



## **PHỤC SINH, NGUỒN HY VỌNG CHAN CHỨA.**

*Lm Giuse Mai Văn Thịnh, DCCT*

Để đáp ứng với tình hình lây nhiễm do nạn đại dịch Covid-19 gây ra, năm nay chúng ta không thể cùng nhau tụ họp tại nhà thờ để cử hành các nghi thức phụng vụ trong tuần Thương Khó, tưởng niệm sự chết và hân hoan mừng sự sống lại của Đức Giêsu. Đây quả là một mất mát! Một tập tục, một thói quen đạo đức trong cuộc sống bị đảo lộn khiến chúng ta cần thời gian để điều chỉnh sao cho phù hợp. Ngay trong lúc này, tất cả còn quá sớm để tìm ra một giải pháp thích hợp cho mọi người. Kiên nhẫn, cởi mở, thành thật, tạo cho nhau cơ hội để diễn tả lòng nhân ái và nhất là những giây phút thinh lặng trong thời gian này để với mối dây hiệp thông, chúng ta, những kẻ tin sẽ gặp Chúa ngay trong cơn bão mà Covid-19 gây ra.

Những gì mà chúng ta đang phải đối diện hôm nay cũng là tâm tư mà các môn đệ đã trải qua năm nào. Thế giới của họ bị đảo lộn. Những ước muốn của họ khi theo Chúa đột nhiên phải thay đổi. Các môn đệ mất phương hướng. Thay vì lo sợ hậu quả do đại dịch gây ra, các môn đệ trốn chạy và ẩn núp vì sợ bị vạ lây bởi mối quan hệ thầy trò với Đức Giêsu. Thầy mình còn bị đóng đinh, phương chi chúng mình? Biết đâu chúng mình sẽ là thành phần kế tiếp bị săn lùng. Đó là thời điểm đen tối nhất trong lịch sử cứu độ. Dưới con mắt của các môn đệ, tất cả dường như đã đi vào ngõ cụt.

Tâm tình của một con người không tìm được lối thoát cũng đã được Đức Giêsu bộc lộ khi Người lên tiếng than:

*“Lạy Thiên Chúa,  
Lạy Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ rơi con?”  
(Mt 27:46)*

Thật ra Thiên Chúa có bỏ rơi Người đâu, nhưng trong nỗi thống khổ tột cùng khi bị thế gian phản bội, các môn đệ chạy trốn đã khiến Đức Giê-su thốt lên lời than van lo sợ đến thế.

Nhớ lại hoàn cảnh và tâm tư của các môn đệ khi xưa giúp chúng ta nhận ra một điều là những gì mà chúng ta đang phải đối diện chưa hẳn là một ngõ cụt, không lối thoát. Nhìn vào hoàn cảnh thực tế để bồi dưỡng niềm tin vào Chúa, tăng cường niềm hy vọng vào sự can thiệp của Thiên Chúa, Đáng đã yêu thương thế gian đến độ sẵn sàng trao ban người Con duy nhất cho thế gian!

Với niềm tin và khí cụ của lòng mến, chúng ta bước đi trong hy vọng vì biết rằng đau khổ và cái chết không phải là điểm kết thúc sứ vụ của Đức Giêsu. Trái lại, qua sự chết Đức Giêsu được siêu tôn ngự bên hữu Thiên Chúa. Đó chính là mầu nhiệm đã được tỏ bày mà Thánh Phaolô đã tiếp nhận và trung thành trong việc rao giảng rằng:

*“Nếu Đức Kitô đã không chỗi dậy,  
thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng,  
và cả đức tin của anh em cũng trống rỗng...  
chúng ta là những kẻ đáng thương hơn hết mọi người.”  
(1Cor 15: 14 và 19b)*

Như Thánh Phaolô, trong mọi thời, nhất là trong giai đoạn này chúng ta cần làm chứng, không chỉ qua các nghi thức phụng vụ, mà là cuộc sống của mình về màu nhiệm cao cả trong đạo, Màu nhiệm Phục Sinh của Chúa.

Tuy nhiên, chúng ta cần thành thật với nhau rằng, không chỉ một lần, mà biết bao nhiêu lần chúng ta đã công bố và chia sẻ Tin Mừng Phục Sinh cho nhau; nhưng có mấy khi và mấy ai cảm nhận được ý nghĩa và hiệu quả của biến cố đó trong đời mình, nhất là trong giai đoạn đầy khó khăn như chúng ta đang phải đối diện!

Đau khổ và thập giá là chìa khóa giúp ta bước vào sự sống. Chúng ta không cần đi tìm thập giá hay đau khổ. Đó là phần của cuộc sống hay cuộc sống sẽ sản sinh ra đau khổ và thập giá.

Tuy nhiên, tôi cũng đã gặp các bạn trẻ, công thành danh toại, tương lai sáng ngời nói rằng họ chưa thấy đau khổ. Dù im lặng, nhưng trong thâm tâm tôi tự nói ‘đừng vội kết luận như thế, cứ chờ mà xem rồi sẽ thấy’.

Một lúc nào đó, bạn hay tôi bị vướng phải căn bệnh hiểm nghèo, tai ương, tai nạn xe cộ, bị bò đá, bị phản bội, cô đơn, trầm cảm, cháy nhà, mất trộm... và các tai ương khác chẳng một ai muốn nó xảy đến cho mình, thế mà nó vẫn xảy ra, không sao kể hết! Hãy nhớ rằng Đức Giêsu cũng xin Chúa Cha cất đi các đau khổ - xin cho con khỏi uống chén này. Thế mà Thập Giá vẫn cứ được đem đến cho Người.

Làm thế nào để chấp nhận được các điều mà chúng ta gọi là Thập Giá?

Việc đón nhận đau khổ thật không dễ dàng. Cách đón nhận của chúng ta rất khác nhau, tùy theo tâm tính, hoàn cảnh cuộc sống. Một lần kia, trong lúc đi thăm bệnh nhận trong các nhà dưỡng lão. Có bà cụ kia, ngồi trên xe lăn, mặt đang nhăn nhó vì bị cơn đau hành hạ. Lại có một hội viên Legio đã đến an ủi bà:

*“Xin bà hãy dăng các đau khổ bằng cách nhìn vào gương của Chúa,  
đang đau khổ và quằn quại trên Thập Giá.”*

Bà cụ nhà mình thân nhiên đáp lại

*“Thưa chị, Chúa chỉ ở trên đó có 3 tiếng đồng hồ thôi, chị ạ.”*

Rõ khổ, khuyên với rắn; cứ kiểu khuyên dạy đời như thế này thì làm khổ người bệnh hơn là giúp đỡ.

Im lặng và đồng cảm với nỗi đau của nhau có thể là một giải pháp?

Im lặng để chấp nhận một sự thật rất hiển nhiên là đau khổ là phần của cuộc sống mà không một ai trong chúng ta có thể thoát được. Trước khi chấp nhận được điều này, chúng ta sẽ trải qua các giai đoạn khác như chán nản, chối bỏ, tức giận... và các câu hỏi như tại sao chuyện này có thể xảy ra cho tôi? Tôi không thể chấp nhận! Sau cùng mới là việc chấp nhận. Bởi vì, nếu không chấp nhận thì tôi sẽ làm gì hơn. Đàng nào thì chuyện cũng đã xảy ra rồi. Dù chối bỏ, đau khổ cũng đã xảy ra.

Đồng cảm là một hình thức chia sẻ hữu hiệu nhất mỗi khi gặp đau khổ. Đừng áp đặt sự bức tức gây ra bởi đau khổ mà mình đang phải gánh chịu cho người khác, nhất là những người thân của mình. Họ cũng đang trải qua các khó khăn khác. Hãy cùng với nhau vác thánh giá.

Trong nghi thức tôn kính Thánh Giá vào chiều ngày thứ sáu Tuần Thánh hàng năm. Tôi vô cùng ngưỡng mộ khi toàn thể mọi người trong cộng đoàn, không phân biệt tuổi tác, địa vị, giai cấp lần lượt xếp hàng thật trang nghiêm và kính cẩn tiến lên hôn Thánh Giá Chúa. Trong lúc ngắm nhìn họ, tôi thầm cầu cho họ và tôi biết hôn kính thánh giá bằng xương bằng thịt mà Chúa gửi đến cho chúng ta. Đó là những việc làm cụ thể để diễn tả tâm tình đạo đức mà chúng ta vừa cử hành.

Muốn đạt được ước nguyện đó, chúng ta phải chết cho bản tính và cái tôi của mình thì sự sống của Chúa sẽ được biểu hiện trong tôi. Chúa sống thực sự và hiện diện trên mọi nẻo đường của cuộc sống, ngay cả lúc tối bất trung và bội ước. Chúa vẫn không lìa xa tôi. Người vẫn sống, thật thâm lặng – như hạt lúa gieo âm thầm, mục nát – chờ ngày trở sinh hoa trái.

Đây không phải là điều mà chúng ta đạt được. Nhưng đó là quà tặng nhưng không của Thiên Chúa ban cho từng người, tùy thuộc vào hoàn cảnh khác nhau mà trong một khoảnh khắc nào đó, họ biết rằng Chúa Phục sinh và đang sống trong đời họ. Đó là ân huệ nhưng không của Chúa Thánh Thần. Chính Thần Khí của Thiên Chúa đã làm cho Đức Kitô chỗi dậy. Người không tự chỗi dậy mà Thánh Thần làm cho Người chỗi dậy. Và cũng chính Thần Khí của Chúa Phục Sinh sẽ sống và hoạt động thật mãnh liệt trong ta.

Nhân loại đang đợi chờ Ánh Sáng Phục Sinh. Thế giới hiện đang bị ảnh hưởng bởi nạn đại dịch Covid-19 gây ra. Không chỉ có thế, vẫn còn những người đang phải đối diện với những bi kịch của đời sống, họ đang cần đến ánh sáng. Vậy, hãy can đảm, với Ánh Sáng Phục Sinh, chúng ta bước vào những ngõ cụt của dòng đời, đi đến hang cùng ngõ hẻm để gặp những người bị ‘bó tay’ mà làm chứng cho họ biết rằng Chúa nay thật đã Phục Sinh!

Alleluia. Người không chết nữa. Người đang sống và chờ đợi chúng ta tại Galilê, nơi Thầy đã chia sẻ cuộc sống khi thi hành sứ vụ mà Cha đã trao phó.

Lối sống chứng nhân này đã xuất hiện qua từng giai đoạn của lịch sử. Nhìn lại chúng ta phải hãnh diện và nhớ đến những gương hy sinh của các tín hữu đã xuất hiện trong các tuyến đầu để phục vụ các bệnh nhân gây ra bởi dịch bệnh.

Không chỉ có thế, còn biết bao nhiêu bệnh viện khẩn cấp được dựng nên bởi các kẻ tin để chăm sóc cho người bệnh. Lòng can đảm, gương hy sinh quên mình chỉ nghĩ đến những người cùng khốn là nhân chứng tình yêu của Đấng đã hy sinh thân mình vì nhân loại, nay Người đang sống qua lối sống của các chứng nhân qua các thời đại như thế.

Vì thế, hãy mạnh dạn ra đi, từ bỏ, chia sẻ, thậm chí sẵn sàng hy sinh cho đến cùng để hoàn tất sứ vụ đã được trao ban, rồi chúng ta sẽ ngạc nhiên mà nhận ra rằng quả thật Chúa đã sống lại và hiện diện trong cuộc sống mình. Bởi vì, cuộc sống của chúng ta lúc bấy giờ không còn bị chôn vùi trong ngôi mộ, nhưng chúng ta đã đặt cuộc sống mình trên nền tảng và điểm tựa duy nhất, đó chính là “Chúa Phục Sinh, nguồn hy vọng chứa chan! Alleluia”

*Lm Giuse Mai Văn Thịnh, DCCT*

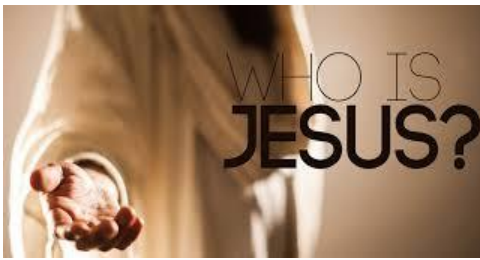
---

# KITÔ LUẬN – Bên Giòng Lịch Sử

Nguyễn Duy Vũ

## Dẫn Nhập

Chúa Giêsu hỏi các môn đệ - “Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai?” (Mark 28, 29)– thiết tưởng đây cũng là câu hỏi Ngài đặt ra cho thời đại hôm nay - Như những vị môn đệ theo Ngài xưa đã gắng tìm ra câu trả lời trong bối cảnh thời ấy, thì ngày nay có lẽ cũng đang nỗ lực tìm ra câu trả lời đích thực nhất. Vậy thì làm cách nào chúng ta nên bàn về Chúa Giêsu vào đầu thế kỷ hai mươi mốt này? Là Thiên Chúa nhập thể? Là Con Người cho tha nhân? Là tiền nhân một cộng đồng mới hay của Nước Trời?<sup>1</sup>



Nhiều lối nhìn khác nhau đã và đang được trình bày bởi các nhà thần học nam nữ trên khắp các địa lục và mọi truyền thống Kitô, biểu lộ cho thấy nhiệm vụ tiếp nối Kitô luận ngày hôm nay chính là: diễn giải ý nghĩa sâu đậm và nét đặc trưng Chúa Giêsu Kitô cho thời đại của chúng ta dưới ánh sáng của những triển khai mới trong Kinh thánh và lịch sử. Khởi sự từ thời Kinh thánh khi vừa bắt đầu được phổ biến rồi trải qua hơn hai ngàn năm trên các nẻo

đường thần học quanh co, thần học Kitô giáo đã xây nhiều công trình để tìm hiểu ý nghĩa con người và sứ vụ Chúa Giêsu Kitô, vị *gián tiếp* sáng lập Kitô giáo và là nhân vật được tranh luận sôi nổi nhất trong lịch sử tôn giáo. Mỗi thế hệ, các nhà thần học đã đề xuất những diễn giải về con người Kitô và ảnh hưởng của Ngài trong bối cảnh cuộc sống họ nhận ra.

Quả vậy, Chúa Giêsu Kitô xuất hiện ngay trung tâm điểm của đức tin và thần học Kitô giáo. Vì thế, nghiên cứu Kitô luận không cần biện minh việc truy tầm liên tục trong phạm vi đức tin thần học. “Mặc dù không thần học nào có thể tự giành riêng cho mình Kitô luận, nhưng cũng không thần học Kitô nào hoàn thành được nếu không có sự liên hệ nghiêm túc về Chúa Giêsu Kitô.”<sup>2</sup> Trong chiều hướng này, không có nghiên cứu nào kề cận với cốt lõi đời sống Kitô hữu và thần học hơn Kitô luận. Cuộc sống ngắn ngủi của Chúa Giêsu trên trái đất, cái chết của Ngài trên thập tự giá, và các tuyên ngôn của các môn đệ về sự phục sinh và lên trời của Ngài luôn là nền móng cho lịch sử Kitô giáo. “Qua những năm tháng, Kitô luận luôn là một đối tượng của sự say mê liên tục, vì nó là nền tảng thần học cho các Kitô hữu với niềm tin nghiêm túc.”<sup>3</sup>

## Toàn diện các thuyết Kitô luận

Ngay từ khởi đầu, Kitô giáo đã nảy sinh nhiều lối giải thích về Chúa Kitô là ai. Không có giai đoạn nào mà chỉ một hình ảnh độc nhất của Chúa Giêsu được chiếm vị trí thống lãnh. Thực tế, ngay chính Tân Ước cũng đã chứa nhiều cách dẫn giải bổ sung lẫn nhau về Chúa Giêsu Kitô. Sự hiện diện của bốn Tin Mừng, Matthew, Mark, Luke và John, hùng hồn nói lên tính đa nguyên (plurality) ngay thời điểm “giáo quy” (canon) Thánh kinh. Hơn thế, những chân dung được vẽ bởi Paul và các tác giả Tân Ước khác cũng cần được bổ túc thêm bằng những nhân chứng đặc biệt của các vị loan truyền khác. Do đó, Tân Ước chứa đựng vô số hình ảnh, miêu tả và các linh hoạt của Chúa Giêsu Kitô. Những gì gắn kết những hình ảnh này lại với nhau chính là một mẫu số chung, một niềm tin vững chắc cho rằng có điều gì đó rất kỳ lạ và cực trọng đã xảy ra nơi Người này, vị được tôn xưng là Chúa và đáng Cứu Thế bởi các Kitô hữu trong mọi thời đại.

<sup>1</sup> William R. Barr, *The Significance of Jesus Christ: Introducing the Issue* (Grand Rapids: Eerdmans, 1997), 287.

<sup>2</sup> J.P. Galvin, “Jesus Christ,” in *Systematic Theology: Roman Catholic Perspective*, ed. Francis Schussler (Minneapolis: Fortress, 1991), 251

<sup>3</sup> William J. LaDue, *Jesus among the Theologians* (Harrisburg, Pa.: Trinity Press, 2001), vii.

Cùng với việc thành lập tín lý Kinh thánh vào thế kỷ thứ IV, thần học Kitô giáo, qua hình thức tuyên bố các tín điều kinh điển tại Nicea vào thế kỷ thứ tư và tại Chalcedon vào thế kỷ thứ năm, đã cố gắng hình thành một sự tuyên bố tuyệt đối dứt khoát về Chúa Kitô trong những ảnh hưởng văn hóa thời đại đó. Đa số đã đạt được bằng các công thức chính xác, ngắn gọn liên hệ đến bản thể thiên nhiên và đồng thời nhân tính của đức Kitô, nhưng dù sao những tuyên bố đó vẫn còn bỏ sót, rất nhiều vấn nạn đã bị bỏ qua không được đề cập. Cơ bản, những tín điều ban đầu được tuyên bố trong một hoàn cảnh có thể được xem như có phần nào tiêu cực. Hay nói cách khác, các tín lý được thiết lập với mục đích để chống lại các quan điểm dị giáo thời ấy. Nhưng sau đó, trong các thế kỷ tiếp theo và cho đến thời đại chúng ta, thần học đã tiếp tục tái giới thiệu những quan điểm được khởi hành ngay từ những giáo thức ban đầu nhưng chúng dần dà đã được tinh chế thanh lọc lại. Hẳn nhiên, công việc đó vẫn phải được tiếp tục.

Các nghiên cứu và tìm hiểu về Kitô Luận triển nở mạnh mẽ bắt đầu từ đầu thế kỷ XX mà cực điểm là sự xuất hiện của cái gọi Kitô luận trong bối cảnh địa phương hoặc liên văn hóa trong thập niên 1960 và kể từ đó, đã tạo ra một cầu vồng hấp dẫn trong các lối diễn giải Kitô Luận. Thần học Tin lành, Kitô luận là tâm điểm của các cuộc tranh luận trong gần hai thế kỷ nay, bắt đầu với sứ vụ nổi tiếng tìm lại Chúa Giêsu lịch sử. Mục tiêu đó dù không bao giờ đạt được, nhưng sự nhiệt tình của sứ vụ ấy đã thúc đẩy gia tăng của vô số những diễn giải phong phú. Thần học Công giáo La Mã chứng kiến sự hồi sinh của Kitô luận trong ba hoặc bốn thập niên qua. Điểm thú vị nhất trong bối cảnh hiện tại là sự bùng nổ của các Kitô luận theo đặc tính xã hội hoặc đa văn hóa như những nỗ lực phát lên từ yêu cầu cụ thể tại các địa phương (ví dụ, ở Châu Phi hoặc Châu Á) hoặc đòi hỏi cá biệt của các nhóm (phái nữ hoặc giới nghèo). Một số Kitô luận dựa trong bối cảnh cũng liên kết được với các phong trào triết học hoặc thế giới quan chuyên biệt, chẳng hạn như triết học quy trình (process philosophy). Kết quả sau cùng là sự xuất hiện những Kitô Luận tại châu Phi, châu Á, châu Mỹ La-tinh, phong trào giải phóng, truyền thống da đen, nữ quyền và thuyết quy trình<sup>4</sup>.

Nói chung, mặc dầu trong phạm vi hạn chế bài viết, lịch sử Kitô luận cần phải khảo sát trong ba giai đoạn chính như sau:

Giai đoạn 1 khảo sát các cách tiếp cận chính yếu Kinh thánh về con người Đức Kitô được trình bày qua các tác giả Tin Mừng và Phaolô.

Giai đoạn 2 tìm hiểu phát triển lịch sử, tập trung vào hai giai đoạn xác định quan trọng : sự phát triển sơ khởi trong năm thế kỷ đầu tiên đã xây dựng nền móng cho Kitô luận sau đó và, cuộc tìm kiếm Giêsu lịch sử, có liên hệ với sự thay đổi triệt để của phong trào trí thức, kết quả của thời đại Lý Trí, (Enlightment period), đã thay đổi một cách tuyệt đối phương cách nghiên cứu Kitô luận.

Giai đoạn 3 xem xét bối cảnh hiện tại của Kitô luận quốc tế dưới nhiều hình thức khác nhau: diễn giải đương đại ở phương Tây và một số cách tiếp cận trong bối cảnh cụ thể đã được phát triển không chỉ ở châu Âu và Bắc Mỹ mà còn tại châu Á, châu Phi và châu Mỹ La-tinh.

## Con người và công việc của Chúa Kitô

Trong các tác phẩm của Kitô luận được viết trước thế kỷ XX, thường có sự phân biệt rõ rệt giữa “con người” Chúa Kitô (Kitô luận chính) và công việc của Chúa Kitô (học thuyết về sự cứu rỗi). Ngày nay, sự phân biệt ít rõ ràng hơn, khi triết học và tính thực hành là lý do chính cho sự phân biệt trở nên kém phần đậm nét này (mặc dù sự phân biệt rõ ràng có hữu ích trong mục đích giáo dục). Một trong những giáo phụ đầu tiên của giáo hội phương Đông, Athanasius, đã lập luận rằng Chúa Kitô phải là cả con người và thần linh để cứu chuộc chúng ta: thiêng nhiên để cứu và con người để đồng cảm với chúng ta. Cái nhìn sâu sắc của vị ấy về đầy đủ thiên tính và nhân loại đã không xuất phát từ một sự phản ánh triết học trừu tượng nào mà chính từ vai trò của Chúa Giêsu là Chúa Cứu Thế. Thông thường, chính sự cứu rỗi và chữa lành từ Chúa Kitô mang lại khiến người ta hỏi về con người của Chúa Kitô. Khi Giêsu thành Nazareth chữa lành một người đàn ông

---

<sup>4</sup> Kitô luận nhìn trong quy trình (process) để trình bày Đức Giêsu sinh trưởng dần dần nhận thức đặc tính và sứ mệnh của Ngài, hơn thế luận về vũ trụ được Kitô hóa và ngày cánh chung viên mãn.



què quặt ở John 5, gã đàn ông này không biết ai là người chữa lành mình. Trong đền thờ, gã ấy mới biết được Chúa Giêsu là ai.

Philip Melanchthon, một đồng nghiệp của Martin Luther trong nhóm Tin lành, được nổi tiếng với câu nói “Khi biết Chúa Kitô thì biết những lợi ích đến từ Người”. Đó là, ngoài Cứu thế học, học thuyết về sự cứu rỗi, thì không còn cách nào khác để tiếp cận con người của Chúa Kitô. Thực tế, Melanchthon và nhiều người khác đã tự hỏi liệu thực sự có con đường nào khác để hiểu Chúa Kitô là ai không. Ngài là Đấng Cứu Thế. Đó là cách tiếp cận của Kinh thánh. Tin Mừng không đi vào một cuộc thảo luận triết học tinh vi nào về con người Chúa Kitô mà chỉ tập trung vào sự cứu rỗi nơi Chúa Kitô mang lại.

Nhà triết học nổi tiếng Immanuel Kant của thế kỷ thứ mười tám, người đã tìm hiểu các điều kiện hiểu biết của con người, nói rằng chúng ta không thể trực tiếp biết mọi thứ mà chỉ có thể nhận ra tác động của chúng. Vị thế của Chúa Giêsu, do đó, được biết đến thông qua tác động của Người đối với chúng ta. Cũng trong tinh thần đó, Albrecht Ritschl, một trong những người sáng lập chủ nghĩa tự do cổ điển, đã lập luận rằng việc tách rời Kitô luận và Cứu Thế học thì không đúng vì cách duy nhất để có được kiến thức về một cái gì đó là quan sát ảnh hưởng của nó đối với chúng ta.

Những quan điểm nền tảng liên quan đến mối liên hệ không thể tách rời giữa con người và công việc của Chúa Kitô đã đưa các nhà thần học đến một nhận thức ngày càng tăng về mối liên hệ giữa chức năng hành vi (những gì Chúa Kitô đã làm cho chúng ta) và “bản thể” (Chúa Kitô ở trong con người Ngài). Tuy nhiên, các tác phẩm của Kitô luận có xu hướng tập trung vào cái này hay vào cái khác, và bài viết quý vị đang đọc cũng không ngoại lệ. Trọng tâm ở đây là về con người của Chúa Kitô, và do đó, các câu hỏi về thần học sẽ chỉ được giải đáp trong phạm vi chúng liên quan với câu hỏi đó.

Nhưng chúng ta có nên bàn về “Giêsu học” hơn là “Kitô Luận” không? Xét cho cùng, Chúa Giêsu là tên đầu tiên của con-người-thiên-liêng. Câu hỏi này dẫn chúng ta đến câu hỏi về phương pháp luận cơ bản nhất của Kitô luận.

## Hai mô hình chính của Kitô luận – “Hướng Thượng” Từ Dưới Lên và “Hướng Hạ” Từ Trên Xuống.

Trên nguyên tắc, có hai mô hình cơ bản để ta lựa chọn khi tìm hiểu về con người và công việc của Chúa Kitô. Nôm na, những mô hình này có nhãn hiệu “hướng thượng”, từ dưới lên và “hướng hạ”, từ trên xuống. Kitô luận hướng hạ bắt đầu bằng việc tuyên xưng đức tin vào thần vị của Chúa Kitô như được thể hiện trong Tân Ước. Kitô luận hướng thượng bắt đầu với một cuộc nghiên cứu về Chúa Giêsu lịch sử và từ cơ sở lịch sử đó ta xây dựng đức tin vào Chúa Kitô. Nói cách khác, cách tiếp cận từ trên xuống lấy cách giải thích thần học về Chúa Giêsu Kitô được tìm thấy trong Tân Ước làm điểm xuất phát để xác định ý nghĩa Chúa Kitô. Còn khi nhà thần học sử dụng cách tiếp cận hướng thượng, hay từ dưới lên, thì vị này sử dụng phương cách *bước đằng sau* các giải thích thần học của thánh Phaolô và các tác giả Tân Ước khác và nhà thần học này cố gắng tự xác định nền tảng lịch sử và thực tế của các lời tuyên bố Kitô giáo đó. Điều quan trọng cần lưu ý là đây không chỉ là sự khác biệt hoàn toàn trong những phương pháp giữa hai nhóm chủ nghĩa bảo thủ và chủ nghĩa tự do mà chỉ là một trong những điểm dị đồng của hai nhóm. (Mặc dù hầu hết những người bảo thủ xử dụng mô hình từ trên xuống, và ngược nhiều nhà thần học nổi tiếng dùng lối hướng thượng thuộc nhóm tự do. Các nhà thần học mặc dầu ủng hộ phương pháp từ dưới lên nhưng họ vẫn trân trọng giữ vị trí linh thiêng của Chúa Kitô về thiên tính.)

Một cách dễ hiểu mô hình hướng hạ là khuynh hướng của những thế kỷ đầu tiên. Họ không đặt câu hỏi về độ chính xác lịch sử của các câu chuyện Tin Mừng; các bài tường thuật Tin Mừng đã được họ chấp nhận một cách không thắc mắc. Sự phát triển của truyền thống Kitô Luận trước thời kỳ Khai sáng đơn giản chỉ là một cách giải thích về sự tuyên xưng của Tân Ước về đức tin vào Chúa Kitô và một nỗ lực diễn đạt đức tin ấy theo các thuật ngữ triết học và thần học chính xác thời đó. Phương pháp từ trên xuống cũng có những vị đề xướng trong thế kỷ XX, mặc dù động lực khác rất nhiều so với các định hướng trước thời Khai sáng. Ví dụ các nhà thần học liên hệ đến tân

chính thống, neo-orthodoxy, như Emil Brunner và Karl Barth, và những người có khuynh hướng hiện sinh, như Rudolf Bultmann, cho rằng cơ sở để hiểu Chúa Kitô không phải qua Chúa Giêsu lịch sử nhưng *kerygma* (tiếng Hy Lạp, thuyết giảng, tuyên ngôn), qua lời công bố của giáo hội Kitô. Theo lời của Brunner:

Chúng ta nhất định phản đối quan điểm cho rằng đức tin Kitô giáo hình thành từ việc quan sát lịch sử, xuất phát từ bức tranh lịch sử Chúa Giêsu thành Nazareth.<sup>5</sup>

Theo lối nhìn này thì ưu tiên được dành cho các thư của Phaolô và tin mừng Gioan hơn so với bộ tin mừng Nhất Lãm (Mark, Matthew và Luke), vì Phaolô và Gioan không quan tâm đến các chi tiết cuộc sống trần thế Chúa Giêsu mà chú trọng nhiều đến ý nghĩa về sự kiện Chúa Giêsu trong đời sống Kitô hữu và giáo hội thời ấy.

Do đó, phương pháp hướng hạ cho rằng đức tin vào Chúa Kitô không dựa vào bằng chứng lịch sử hợp lý, vì đức tin đó không thể được chứng minh qua khoa học. Brunner phân biệt giữa “Chúa Kitô trong xương thịt”, là Thiên Chúa nhập thể được tuyên xưng trong Tin Mừng, và “Chúa Kitô sau xương thịt”, được nhà sử học khám phá qua cách nghiên cứu khoa học. Theo Brunner thì tín hữu hiểu được nhiều hơn nhà sử học vì tín hữu biết qua “Chúa Kitô trong xương thịt.” Bultmann cho rằng niềm tin dựa vào công bố đức tin Kitô, *kerygmatic*, tức qua lời rao truyền của Tin Mừng, chắc chắn không thể nào được kết nối chặt chẽ với cuộc sống trần thế thực sự tìm được của Chúa Giêsu. Bất cứ ai biết gì về Chúa Giêsu lịch sử, trần thế đó thì dẫu sao cũng không thiết yếu bằng so với lối nhìn hiện sinh của họ về Chúa Kitô.

Tuy nhiên điều đáng chú ý là xu hướng chính của Kitô luận kể từ thời Khai sáng<sup>6</sup> là hướng thượng, tức “từ dưới lên”. Điều này có thể hiểu được qua những thay đổi liên quan trong thời Khai sáng: Tất cả giáo quyền, triết học và các vị chức sắc nay được thay thế bằng các phán đoán cá nhân, độc lập vì mỗi người có quyền tự do trình bày quan niệm riêng. Tại sao ta nên dựa vào lời tuyên xưng đức tin của những vị thuộc thời thuở xa xưa? Thay vì cố gắng tái xác định những diễn giải mới về Chúa Kitô thích ứng hơn cho thời đại ngày hôm nay? Thích hợp nhất cho phương pháp tiếp cận này đương nhiên là sử vụ tìm kiếm Chúa Giêsu lịch sử. Các nhà thần học tham gia vào sử vụ này cố gắng vượt ra khỏi những lời tuyên xưng trong Tin Mừng, và tự định hướng xác định Chúa Giêsu thành Nazareth là ai. Họ nghiên cứu con người lịch sử của Chúa Giêsu Kitô như bất kỳ nhân vật lịch sử nào khác. Trong mục đích đó, thế kỷ XIX tìm kiếm Chúa Giêsu lịch sử là “*Giêsu học*” chứ không phải các Kitô luận vì họ tập trung vào con người Giêsu hơn là vào Chúa Kitô thiêng liêng được tuyên xưng và tôn thờ bởi giáo hội tiên khởi.



Dẫn đầu đề xuất phương pháp tiếp cận hướng thượng hay từ dưới lên, một khuôn mặt khác ngoài các học giả của sử vụ tìm kiếm Chúa Giêsu lịch sử, là Wolfhart Pannenberg, trong tác phẩm *Giêsu, “Thiên chúa và Con Người,” “Jesus, God and Man”*<sup>7</sup>, và sau đó ông thiết lập một thần học hệ thống như một cơ sở lịch sử và khoa học uy tín để tiến hành công việc nghiên cứu Kitô luận. Pannenberg luôn duy trì mục đích chính yếu Kitô luận là cung cấp sự hỗ trợ của lý trí vào niềm tin vào bản tính linh thiêng của Đức Giêsu. Khi các phương cách hướng hạ hay từ trên xuống, theo Pannenberg thì đương nhiên, đã tự đặt niềm tin ngay vào tiền giả định, presuppose, thay vì bằng cách minh chứng để đạt tới, và chính vậy không thể được coi như những phương cách có căn cứ hợp lý.

Phương cách hướng hạ có xu hướng bỏ rơi lịch sử của Đức Giêsu và chính vì thế nó đương nhiên tránh né đối đầu câu hỏi

<sup>5</sup> Emil Brunner, *The Mediator* (London: Lutterworth, 1934), 158.

<sup>6</sup> Chính trị, triết học, khoa học và truyền thống châu Âu đã được định hướng lại một cách triệt để trong suốt quá trình của thế kỷ 18 lâu đời (1685-1815) như một phần của phong trào được những người tham gia gọi là Thời đại Lý trí, hay đơn giản là Khai sáng

<sup>7</sup> Wolfhart Pannenberg, *Jesus, God and Man* (Philadelphia: Westminster, 1968).

về bản chất trung thực của những nguồn tin về Đức Giêsu. Pannenberg quả quyết rằng cuộc tìm kiếm lịch sử rất khả thi và cần thiết. Nếu chúng ta chỉ đặt niềm tin chúng ta vào những tuyên ngôn **kerygma** cổ xưa mà không dựa vào những bằng chứng lịch sử thì nguy cơ chúng ta đang sáng tạo ra “*những Đức Kitô cho riêng chúng ta*” thay vì theo nhân chứng thật xuất hiện trong Kinh Thánh.

Không chỉ quyết tâm bảo vệ sự cần thiết về việc nghiên cứu lịch sử trong truyền thống Tin Mừng và Chúa Giêsu, Pannenberg còn tin chắc rằng điều quan trọng là không nên giới hạn nghiên cứu lịch sử như thế kỷ XIX và các truyền thống sau đó đã thực hiện qua việc giới hạn, hay không chấp nhận các phép lạ và các sự kiện siêu nhiên khác. Các nguồn lịch sử nói về các phép lạ liên quan đến cuộc đời của Chúa Giêsu, trong đó quan trọng nhất là cuộc Phục sinh. Khi tiến hành nghiên cứu quan trọng về nguồn gốc và cơ sở lịch sử của Kitô luận, theo Pannenberg, người ta không nên quyết định trước những sự kiện nào có thể xảy ra trong lịch sử. Mặc dù chính nghiên cứu lịch sử có thể không bao giờ dẫn ta đến một kết luận cuối cùng về đức tin vào thiên tính của con người Chúa Giêsu, đối với Pannenberg, nhưng nhất thiết phải để sự vụ phê bình và kiểm tra lịch sử đi tới tận cùng quá trình hay cho đến khi người ta được thuyết phục. Ví dụ như xác nhận phục sinh của Chúa Giêsu là hợp lý, hoặc ít nhất là có thể xảy ra hay không. Vì từ đó, niềm tin vào thiên tính của Chúa Kitô là kết quả của nghiên cứu lịch sử chứ không phải là một chấp nhận mù quáng của đức tin, như lời phê bình từ nhóm hiện đại và chủ nghĩa hiện sinh<sup>8</sup>.

Lời phân tích cuối, người ta có thể không cần phải chọn một trong hai phương pháp, theo cách này rồi loại trừ cách khác.

- Người ta có thể có một lối tiếp cận cho cả hai phương pháp. Vấn nạn cơ bản của cách tiếp cận từ trên xuống là nền tảng của đức tin: Làm thế nào để chúng ta biết chúng ta tin vào đúng Đức Giêsu? Còn những chân dung Giêsu khác có những xác nhận tương tự thì sao?

- Còn vấn nạn cơ bản đặt ra cho cách tiếp cận từ bên dưới là đức tin có thể phụ thuộc vào kết quả thay đổi của nghiên cứu lịch sử, và khách quan là chắc chắn rất khó để thành đạt được. Đối với mục đích hàn lâm, người ta nên phụ thuộc chủ yếu vào cách tiếp cận từ bên dưới, khi cách này vẫn có thể phục tòng lòng cam kết đức tin của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, cuối cùng, niềm tin vào thiên tính và những công bố liên quan đến Chúa Kitô là một cam kết thể giới quan rất riêng tư của mỗi cá nhân mà vì thế không thể bị thách đố đương độc qua lối lý luận hàn lâm.

---

<sup>8</sup> Kitô luận hiện sinh vào thế kỷ thứ 20, ảnh hưởng chủ nghĩa hiện sinh, để giải đáp những vấn đề tồn tại hiện sinh con người, cho rằng Đức Kitô có những đau khổ, sợ hãi, nghịch ngôn trong con người nhân tính Ngài.



## Bản tóm lược hai mô hình Kitô Luận



Kitô Luận “Từ Trên Xuống”<sup>9</sup>

### Cơ Bản Thần Luận:

- Tin mừng được xem là tài liệu lịch sử do Thiên Chúa phán ra.
- Nhấn mạnh vào sự sa ngã của nhân loại từ ân sủng và cần sự cứu chuộc.
- Thiên Chúa như siêu việt, “trên kia”.
- Chúa Giêsu được hiểu là Lời Thiên Chúa tiên hữu, Ngôi Hai Thiên Chúa Ba Ngôi được Thiên Chúa gửi đến.
- Chúa Giêsu hiểu như Ngài ý thức đầy đủ về bản sắc và vai trò của mình từ khi sinh ra.
- Chúa Giêsu cứu thế bởi “chết vì tội lỗi của chúng ta” trong một hành động hy sinh hoàn hảo, qua đó thỏa mãn Thiên Chúa và mở những cổng thiên đàng cho nhân loại.

Kitô Luận “Từ Dưới Lên”<sup>10</sup>



### Cơ Bản Thần Luận:

- Tin mừng được xem như những chứng ngôn sau Phục sinh được truyền qua cảm hứng.
- Nhấn mạnh vào kinh nghiệm sống bản thân, cho người khác, cho Thiên Chúa
- Chúa là bản vị cá nhân, vô thường, “tại đây”.
- Chúa Giêsu trước tiên phải được hiểu là một vị thầy và nhà tiên tri người Do Thái ở Palestine vào thế kỷ thứ nhất.
- Chúa Giêsu được hiểu như Ngài dần dà lớn lên trong ý thức về bản tính và vai trò của mình
- Chúa Giêsu chết trên thập tự giá là hậu quả trực tiếp của các cuộc xung đột với chính quyền Do Thái và La Mã và là sự biểu hiện của tình yêu trọn vẹn.

<sup>9</sup> Còn được gọi “*Hướng hạ*”, từ Anh ngữ *Christology “From Above”* hay *Descending Christology* – Kitô học đi từ **thần tín** Đức Kitô để giảng thuật về mầu nhiệm Kitô, đã phát triển rất sớm trong Giáo hội nhấn mạnh Đức Kitô, vốn là Thiên Chúa đã mặc lấy nhân tính để nhập vào lịch sử.

<sup>10</sup> Còn được gọi “*Hướng hạ*”, từ Anh ngữ *Christology “From Below”* hay *Ascending Christology* – Kitô học đi từ **nhân tín** Đức Kitô để giảng thuật về mầu nhiệm Kitô.

*Giảng dạy về Chúa Giêsu hôm nay cần thiết phát xuất từ:*

1. Kinh Thánh (Bắt nguồn từ học hỏi suy niệm rành mạch).
2. Lịch sử (Nhận thức về sự phát triển giáo điều).
3. Cá nhân (Phản ảnh, trải nghiệm từ tâm linh mỗi người).

***Các mô hình của Kitô học: Ý nghĩa ảnh hưởng đến với tâm linh***

Sự hiểu biết của chúng ta về kế hoạch cứu rỗi và vai trò của Chúa Giêsu trong đó sẽ có những ảnh hưởng sâu sắc đến sự hiểu biết và nhận thức của chúng ta về mối quan hệ của Thiên Chúa với chúng ta. Đó là, Kitô học của chúng ta sẽ xác định rất lớn hình dạng tâm linh của chúng ta.

Sau đây là một cố gắng so sánh các đặc điểm của linh đạo đặt nền móng giữa hai mô hình: “Kitô học cao” và “Kitô học thấp”.

***Xin lưu ý:***

*Lược đồ này có vẻ thừa nhận nhấn mạnh tác động tiêu cực của Kitô học cao và phóng đại tác động tích cực của Kitô học thấp. Sự thật, như thông thường, sẽ được tìm thấy trong sự cân bằng giữa hai cách tiếp cận.*

***"Từ trên xuống" (hướng hạ)***

- Giêsu giải cứu chúng ta. Ngài nhận lãnh sự đau khổ cho chúng ta và đã làm hài lòng Cha người.
- Chúa Giêsu liên kết chúng ta trở về với Chúa Cha sau khi đã “trục xuất chúng ta ra khỏi vườn địa đàng.”
- Chúa Giêsu cứu chúng ta bằng cách chết cho tội lỗi của chúng ta và loại bỏ mặc cảm tội lỗi chúng ta thừa hưởng từ Adam và Eva.
- Chúa Giêsu kêu gọi chúng ta chịu đựng cuộc sống, cam kết trung tín nơi Ngài để đấu tranh qua “màn nước mắt” trên cõi thế này. Chúng ta hãy trao phó tất cả cho Giêsu.
- Bắt chước hoặc theo chân Chúa Giêsu ngụ ý không chỉ mô phỏng nhân cách của Ngài mà còn kiềm nén bản sắc của chúng ta và xem bản thân chúng ta cơ bản là xấu xa, tội lỗi.
- Khuynh hướng nhìn thấy Chúa Giêsu nơi tha nhân bằng cách nhìn qua họ như một thực thể sâu đậm của con người; tình yêu dành cho tha nhân là nền tảng của sự cam chịu và lòng khoan dung.

***"Từ dưới lên" (hướng thượng)***

- Chúa Giêsu làm điều đó trước cho chúng ta. Ngài chỉ cho chúng ta phải làm thế nào, chúng ta cũng phải làm như đó.
- Chúa Giêsu tiết lộ Abba, Cha Ngài, Đấng chưa bao giờ và sẽ không bao giờ bỏ rơi chúng ta.
- Chúa Giêsu cứu chúng ta khỏi những hiểu biết sai lầm về ý nghĩa thân phận con người; Ngài “hỏi những câu hỏi đúng”.
- Chúa Giêsu kêu gọi chúng ta hãy ôm lấy cuộc sống và sống một cách trọn vẹn như Ngài đã sống. “Ta đến để các con có thể có cuộc sống và có được cuộc sống thật trọn vẹn.”
- “Bước theo sau Chúa Giêsu” có nghĩa là ôm lấy và sống trong bản sắc quý giá và duy nhất của mỗi chúng ta một cách chân thực như Ngài đã sống; chúng ta bắt chước Chúa Giêsu bằng lòng thành thật với chính mình.
- Nhìn người khác như Chúa Giêsu đã làm, tức là cùng qua nhận thức và tầm nhìn của Ngài; nhìn thấy Chúa Giêsu trong tha nhân; tình yêu bắt nguồn từ lòng từ bi và tôn trọng sự bí ẩn ở mỗi con người.

<ul style="list-style-type: none"><li>• Kitô hữu được đặc trưng bởi lòng khiêm nhường; giá trị duy nhất chúng ta có được từ Chúa Giêsu chết vì chúng ta; không có Chúa Giêsu chúng ta vô giá trị.</li><li>• Chúa Giêsu là “Lời của Thiên Chúa”, cái chết của Ngài có sức thuyết phục Thiên Chúa về giá trị của chúng ta và giành được sự ưu ái của Thiên Chúa.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Chúa Giêsu chết vì chúng ta vì Ngài thấy chúng ta đã có một giá trị tuyệt vời; Ngài chết cho chúng ta vì chúng ta xứng đáng được Ngài chết cho; bẩm sinh phẩm giá là điểm khởi đầu của chúng ta.</li><li>• Chúa Giê-su mạc khải rằng mỗi người chúng ta cũng là “lời của Thiên Chúa” phát ra đúng thời điểm; cuộc sống ta cho thấy tình yêu và sự huyền bí của Thiên Chúa cũng như chính cuộc sống của Chúa Giêsu.</li></ul>
--	--

### Thay lời kết: Trên đường về Emmaus

Các biến cố ngỡ ngàng trong đời sống dẫn đưa chúng ta đến những suy nghĩ như hai môn đệ làng Emmaus được thuật lại trong Tin Mừng<sup>11</sup>. Học hỏi Kinh Thánh và có một tấm lòng sốt mến nhiệt thành vẫn chưa đủ: vì thông hiểu Kinh Thánh cũng như thành thạo các tín điều chỉ là nguyên tắc, chưa thể mang lại niềm tin và niềm vui của Thần Khí. Người ta có thể nghĩ mình biết mọi sự, nhưng rồi chợt nhận ra mình chẳng hiểu tí gì cả! Cái hố sâu ngăn cách giữa “trái tim bằng đá” và “trái tim bằng thịt”, giữa sự “hiểu biết bằng xác thịt” và sự “hiểu biết nhờ Thần Khí” là như thế đó. Phải có một tác động siêu nhiên qua lại và biện chứng giữa Kinh Thánh và đời sống đức tin phải được thể hiện chân thật qua hành động trong môi trường sống hằng ngày của người tín hữu: đời sống của kẻ có đức tin chỉ có ý nghĩa khi họ được Lời Thiên Chúa chiếu soi, nhưng Lời Thiên Chúa thì chỉ sống động trong cuộc hành trình của mỗi người dẫn thân vào trần thế.



Như trong cuộc hành trình rất bình thường của hai môn đệ làng Emmaus, việc nhận ra được sự hiện diện kín đáo của Đức Giêsu không phải hiển nhiên mà có được, và cũng không phải chỉ tùy thuộc vào quyết định ta. Hiếm khi Thiên Chúa tự tỏ một cách rõ ràng. Chúng ta có thể khám phá ra Ngài qua các ý nghĩa được che dấu trong các sự việc xảy ra, nhưng chỉ **sau** đó, khi lòng mình lúc ấy cảm nhận sự nùng cháy.

Sự hiện diện kín đáo nhưng hữu hiệu của **Thần Khí** giúp con người thấy được khuôn mặt và tầm vóc đích thật của **Đức Giêsu**, và mạnh mẽ mời gọi chúng ta hành động trong tiến trình làm cho thế giới vạn vật thấy dấu ấn của **Con Người** đích thật, như **Thiên Chúa** hằng kêu mời nhân loại, từ thuở nào.

Nguyễn Duy Vũ

(Viết trong tuần Thánh 2020, giữa mùa dịch Coronavirus.)

<sup>11</sup> Luke 24: 13-35, Mark, 16: 12-14.

## **DẤU CHỈ THỜI ĐẠI**

### **Giữa cơn đại dịch coronavirus, giữa sự tuyệt vọng, đâu là niềm tin của người Công Giáo?**

*Lm James Martin SJ*

*Con đại dịch 'Coronavirus' đang gây bối rối và hoảng sợ cho hàng trăm triệu người. Điều đó không đáng ngạc nhiên. Nhiều người trên khắp thế giới đã bị nhiễm bệnh và nhiều người khác đã chết. Trừ phi tình hình thay đổi đáng kể, nếu không, trên toàn cầu sẽ có những người khác ngã bệnh và sẽ chết.*

*Cuộc khủng hoảng này đặt ra những vấn nạn về y tế, đạo đức và tiếp vận nghiêm trọng. Thế nhưng nó cũng đặt ra những câu hỏi bổ túc cho những người có đức tin. Vì vậy, tôi mong muốn gửi đến các bạn một vài chia sẻ rút ra từ truyền thống Kitô giáo, từ linh đạo của thánh Ignatius và từ kinh nghiệm của riêng tôi.*

*Cưỡng lại sự hoảng loạn. Điều này không có nghĩa là chúng ta không có lý do để quan ngại, hoặc chúng ta nên bỏ qua lời khuyên đúng đắn của giới chuyên gia y tế. Thế nhưng sự hoảng loạn và sợ hãi không đến từ Thiên Chúa. Trái lại, đó là sự bình tĩnh và hy vọng. Chúng ta có thể có phản ứng trước một cuộc khủng hoảng với một cách thức nghiêm túc trong khi vẫn duy trì được sự bình tĩnh và hy vọng ở trong lòng.*

*Thánh Ignatius Loyola, sáng lập Dòng Tên, thường nói về hai thế lực trong đời sống nội tâm của chúng ta: một là lực kéo chúng ta về phía Thiên Chúa và lực kia là kéo chúng ta tách xa Thiên Chúa. Lực lôi kéo chúng ta tách rời Thiên Chúa, Thánh Ignatius đặt tên là thần ác "gây ra sự lo lắng, buồn phiền và tạo chướng ngại vật. Bằng cách này, nó làm người ta bất an với những lý do giả tạo nhằm ngăn chặn sự tiến bộ của con người. Nghe có vẻ quen?"*

*Chúng ta đừng tin vào những lời nói dối hoặc tin đồn, để rơi vào tình trạng hoảng loạn. Hãy tin vào những gì mà giới chuyên gia y tế nói với bạn, chứ không phải là tin vào những người sợ bóng sợ vía. Chính vì thế mà người ta có lý khi gọi Satan là "Hoàng tử gian dối".*

*Sự hoảng loạn, bằng cách làm bạn bối rối và sợ hãi, sẽ kéo bạn ra khỏi sự giúp đỡ mà Thiên Chúa muốn dành cho bạn. Hoảng loạn không đến từ Thiên Chúa. Thế thì điều gì đến từ Thiên Chúa? Thánh Ignatius nói với chúng ta: Thần Khí của Thiên Chúa sẽ khuấy động lòng can đảm, sức mạnh, sự an ủi, cảm hứng và sự yên tĩnh. Vì thế, hãy tin tưởng vào sự bình tĩnh và hy vọng mà bạn cảm nhận. Đó là tiếng nói mà chúng ta cần lắng nghe.*

*Đừng sợ! Chúa Giêsu đã nhiều lần nói như vậy.*

*Đừng chụp mũ là ma quỷ. Ngày nọ, một người bạn kể với tôi rằng khi một người đàn ông Trung Quốc lớn tuổi lên chiếc xe điện ở thành phố New York, thì chiếc xe bỗng trở nên trống trơn trong khi mọi người bắt đầu chửi rửa ông ta, đổ lỗi cho đất nước của ông là đã gây ra dịch viêm phổi.*

*Hãy cưỡng lại cơn cám dỗ chụp mũ là ma quỷ để biến thành vật tế thần, cám dỗ này thường gia tăng trong lúc có nhiều căng thẳng và tình trạng khan hiếm.*

*Covid-19 không phải là dịch bệnh của người Trung Quốc; nó không phải là một căn bệnh do người ngoại quốc gây ra. Đó không phải do lỗi của ai cả. Tương tự như vậy, chúng ta không nên trách cứ những người nhiễm bệnh.*

*Hãy nhớ rằng Chúa Giêsu từng bị chất vấn về một người mù: Ai đã phạm tội, để người đàn ông này bị mù? Câu trả lời của Chúa Giêsu là: Không ai cả (Ga 9: 2). Bệnh tật không phải là một hình phạt. Vì vậy, không nên chụp mũ là ma quỷ và không nên có thái độ thù ghét.*

Nhiều thứ đã bị hủy bỏ vì coronavirus. Tình yêu không phải là một trong số những thứ đó. Đừng sợ! Chúa Giêsu đã nhiều lần nói như vậy. Hãy chăm sóc người bệnh. Đại dịch này có thể còn kéo dài; một số bạn bè và người thân của chúng ta có thể nhiễm bệnh và có thể chết.

Hãy làm những gì có thể làm được để giúp đỡ người khác, đặc biệt là người già, tàn tật, nghèo và cô đơn. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa cần thiết; không nên bắt cần và không nên liều lĩnh gây lây lan, thế nhưng cũng đừng quên nhiệm vụ căn bản của người Công Giáo là giúp đỡ kẻ khác. Chúa Giêsu từng nói:

"Khi ta bệnh,  
các người đến thăm ta"  
(Mt 25).

Và hãy nhớ rằng Chúa Giêsu đã sống trong một thời kỳ mà mọi người không được tiếp cận với sự chăm sóc y tế thô sơ nhất, và vì vậy việc đến thăm người bệnh cũng nguy hiểm, nếu không muốn nói là nhiều nguy hiểm hơn so với ngày nay. Một phần của truyền thống Kitô giáo là chăm sóc người bệnh, thậm chí cá nhân có phải chịu tổn kém.

Và đừng đóng cửa lòng của bạn với những người nghèo và những người không có hoặc chỉ có sự chăm sóc sức khỏe một cách giới hạn. Người tị nạn, người vô gia cư và người di cư, chẳng hạn, sẽ phải khổ sở hơn nhiều so với quảng đại quần chúng. Hãy giữ trái tim của bạn mở ra cho tất cả những ai trong cảnh túng quẫn. Đừng để cho lương tâm của bạn cũng bị nhiễm bệnh.

Hãy cầu nguyện. Các nhà thờ Công Giáo trên khắp thế giới đang phải đóng cửa, nhiều giám mục đã phải hủy bỏ Thánh Lễ và các dịch vụ khác tại giáo xứ. Đó là những biện pháp thận trọng và cần thiết được áp dụng để bảo đảm sự an toàn cho giáo dân. Thế nhưng họ phải trả giá: Đối với nhiều người, các biện pháp này lấy đi một trong những điều an ủi nhất trong cuộc sống của họ. Thánh Lễ và Thánh Thể và cách ly họ thêm với cộng đồng đúng vào lúc mà họ đang cần sự cần sự hỗ trợ nhất.

Trong một tình cảnh như vậy, chúng ta có thể làm được gì? Hiện có nhiều thánh lễ được trực tuyến, truyền hình cũng như truyền thanh. Thế nhưng ngay cả khi chúng ta không tìm ra những thánh lễ như vậy, chúng ta vẫn có thể tham dự một cách thiêng liêng. Chúng ta nên nhớ là khi làm như vậy chúng ta vẫn là thành phần trong một cộng đoàn.

Trong Giáo-hội của chúng ta có một truyền thống lâu dài trong việc "rước lễ thiêng liêng" khi mà chúng ta không thể đích thân tham dự Thánh Lễ, chúng ta vẫn có thể hiệp nhất với Chúa qua lời kính nguyện. Hãy nhớ rằng bạn vẫn là thành phần của một cộng đoàn.

Và hãy sáng tạo.

Bạn có thể tự mình suy niệm Tin Mừng của ngày Chúa nhật, đọc những lời chú giải qua các bài đọc, tập hợp gia đình để nói về Tin Mừng hoặc gọi điện cho bạn bè để chia sẻ kinh nghiệm của bạn về sự hiện diện của Chúa trong cuộc sống của bạn, ngay cả khi đang gặp khủng hoảng. Các Kitô hữu bị bách hại trong thời tiên khởi đã cầu nguyện và chia sẻ niềm tin của họ tại những hầm mộ, và chúng ta cũng có thể làm như vậy. Hãy nhớ rằng Chúa Giêsu đã nói:

"Khi nào có hai hoặc ba người tụ tập lại vì danh ta,  
thì ta sẽ ở giữa họ"  
(Mt 18,20).

Chúng ta hãy nhớ nhà thờ không phải là một tòa nhà mà là một cộng đoàn.

Hãy tin rằng Chúa ở với chúng ta.

Nhiều người, đặc biệt là những bệnh nhân, họ có thể cảm thấy bị lẻ loi làm cho họ sợ hãi. Và nhiều người trong chúng ta, ngay cả khi không bị nhiễm bệnh, biết những người bị bệnh và thậm chí những người chết. Vì vậy, đa số họ sẽ tự nhiên thắc mắc: "Tại sao điều này lại xảy ra?"



*Không có câu trả lời thỏa đáng cho câu hỏi đó, mà cốt lõi của vấn đề là tại sao đau khổ vẫn còn tồn tại, đó là điều mà các thánh nhân và các nhà thần học đã suy gẫm qua nhiều thế kỷ. Cuối cùng, đó là bí ẩn lớn nhất. Và câu hỏi là: Bạn có thể tin vào một Thiên Chúa mà bạn không hiểu được hay không?*

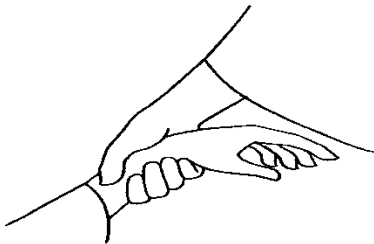
*Đồng thời, chúng ta biết rằng Chúa Giêsu hiểu sự đau khổ của chúng ta và đồng hành với chúng ta qua những cách thức gần gũi nhất. Hãy nhớ rằng trong thời gian rao giảng công khai, Chúa Giêsu đã dành rất nhiều thời gian cho những người bệnh. Và trước khi có y học hiện đại, hầu như bất kỳ bệnh nhiễm trùng nào cũng có thể giết chết bạn.*

*Vào thời đó, tuổi thọ rất ngắn: chỉ 30 hoặc 40 năm. Nói cách khác, Chúa Giêsu hiểu biết thế giới của bệnh tật. Ngài cũng hiểu tất cả những nỗi sợ hãi và lo lắng của chúng ta. Chúa Giêsu hiểu rõ chúng ta, không chỉ bởi vì Chúa là Đấng Thánh và kinh qua tất cả mọi thứ.*

*Hãy đến với ngài qua lời cầu nguyện. Và tin tưởng rằng Chúa sẽ nghe tiếng chúng ta và ở với chúng ta.*

*Hãy tin tưởng vào lời cầu nguyện. Chúng ta sẽ cùng nhau vượt qua cuộc khủng hoảng này, với sự trợ giúp của Chúa.*

*Lm James Martin SJ  
Vũ Nhuận chuyển ngữ*



## **Giọng cũ xa gần**

*Dân Gàỵ phụ trách*

Sáng thứ hai 9.3.2020  
tại nhà nguyện Dòng Chúa Cứu Thế Kỳ Đồng

Thánh Lễ cầu nguyện cho Thầy Phanxicô Xaviê Placido Nguyễn Văn Diễn  
Cha Bề Trên có những lời như sau:

*“Trong tinh thần huynh đệ, là môn đệ thánh Anphongsô trong gia đình dòng Chúa Cứu Thế, cộng đoàn Tỉnh Dòng và cộng đoàn Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn cùng hiệp dâng Thánh lễ cầu nguyện cho thầy Phanxicô Xaviê Placido.*

*Thầy là một Tu sĩ Thừa sai thuộc Tỉnh Dòng Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam. Thầy sinh ngày 27/12/1932, Khấn lần đầu trong DCCT ngày 19/03/1954 và nhận tên Thánh Khấn Dòng là Placido. Từ năm 1959 được Bề trên sai đi phục vụ cho Trung ương Dòng tại Roma, Ý. Sau hơn 60 năm âm thầm phục vụ Trung ương Dòng với*

*hết lòng yêu mến nhà Dòng, vào lúc 7 giờ thứ Bảy ngày 07/03/2020, tại Roma thầy được Chúa gọi về.*

*Một người Tu sĩ không chức gương mẫu trong sự vâng phục, đời sống đơn sơ khiêm hạ, chu toàn bổn phận cách nghiêm túc. Thầy sống và phục vụ với hết tâm tình yêu mến nhà Dòng và anh em. Tất cả anh em trong cộng đoàn Trung ương Dòng và những anh em Việt Nam đi du học, đều được thầy yêu thương, quan tâm và phục vụ ân cần. Mọi người đều rất kính trọng và yêu mến thầy, với một hình ảnh người Tu sĩ gương mẫu. Thầy ra đi để lại cho anh em một niềm luyến nhớ.*

*Cùng hiệp thông với Trung ương Dòng tại Roma, tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam, cùng với thân nhân của thầy đã dâng Thánh lễ để cầu nguyện cho thầy. Có lẽ cũng không ai hiểu hết về một con người thâm lặng như thầy Placido vì thầy đã sang Roma từ khi mới Khấn Dòng, ngoại trừ những người đã sống với thầy và những anh em Việt Nam từng du học tại Roma.*

*Cha Giuse Nguyễn Thế Hiện đã chia sẻ trong bài giảng Lễ về một người thầy đầy sự hy sinh, vâng phục và yêu thương. Vào năm 1959 thầy vâng lời Bề trên đi Roma, trong khi tiếng Ý chưa biết một chữ, thầy bắt đầu học tiếng Ý trong những ngày trên tàu thủy lênh đênh trên biển để sang Roma. Thầy âm thầm phục vụ mọi việc trong cộng đoàn Trung ương Dòng qua nhiều đời Bề trên Tổng quyền với hết tình yêu mến, trên cương vị là một người con trong gia đình Dòng thánh. Thầy Placido có lòng kính yêu Chúa Giêsu Thánh Thể cách đặc biệt, được thể hiện qua cung cách phục vụ bàn thánh một cách kính cẩn và chu đáo trong từng chi tiết.*

*Trong đời sống, thầy cũng rất nghiêm túc và kỷ luật. Những anh em trẻ người Việt mới sang Roma du học đều được thầy quan tâm chăm sóc và chia sẻ. Thầy thường chia sẻ với anh em về đời sống tu trì và phục vụ: “Thẳng thắn cho người ta nể, tử tế cho người ta thích. Khi ở đâu mình phải sống thế nào để khi mình ra đi người ta mong mình nhanh trở lại. Sống như những người khác, không sống khác”. Đó là những điều thầy Placido thường chia sẻ, và đó cũng là điều thầy đã sống trong hơn 60 năm qua ở Roma.*

*Những anh em du học tại Roma đều có những tâm tình về thầy như nhau, như lời cha Phêrô Nguyễn Văn Khải CSsR: “Trước khi rời khỏi phòng tôi, Thầy dặn:*

*“ANH Ở VỚI NGƯỜI Ý,  
ANH PHẢI SỐNG THẲNG THẮN CHO NGƯỜI TA NỂ,  
TỬ TẾ CHO NGƯỜI TA THƯƠNG”.*

*Thầy sống thẳng thắn và trung thực. Không bao giờ làm điều gì ra ngoài đòi buộc của lương tri. Tôi có cảm tưởng đối với thầy sự hoàn thiện trong công việc và trong lối sống của mỗi con người mới là điều quan trọng nhất. Thầy tử tế. Rất tử tế. Tôi chưa bao giờ thấy hay nghe ai nói thầy làm một điều gì tổn hại đến bất cứ ai. Thầy sống chỉ để phục vụ và giúp đỡ người khác. Phục vụ hết sức nhiệt thành và quảng đại khi người khác cần. Chẳng hạn mỗi khi có anh em Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam sang Roma là thầy chuẩn bị cho một món quà gì đó thiết thực cho cuộc sống ở đây.*

*Thầy say mê với công việc khiêm hạ của mình và tự hào về những việc nhỏ bé mình làm. Tôi nghe nhiều anh em Dòng Chúa Cứu Thế làm việc ở Roma hay quen*

*biết thầy đều yêu mến và cảm phục thầy, đều nói thầy là người độc đáo trong Dòng Chúa Cứu Thế. Thầy coi Nhà Dòng là nhà của thầy và mọi người chung quanh là anh em và thầy hy sinh cho họ.*

*Tôi thấy thầy vui sau thiên hạ và lấy cái vui của thiên hạ làm cái vui của mình. Thầy chỉ nghĩ đến người khác. Không bao giờ muốn làm phiền người khác hay trở thành gánh nặng cho người khác. Tôi thấy thầy lấy việc giúp đỡ được người khác làm vui và không từ nan bất cứ việc gì khi được nhờ vả. Trong Curia, thầy như người mẹ lo lắng và chăm sóc cho tất cả. Từ Cha Bề trên Tổng quyền đến các cha các thầy thầy trẻ hơn làm việc chung ở đây...”*

*Thầy Placido đã chia tay anh em mà về cùng Cha trên trời, để lại trong tâm trí anh em một hình ảnh tươi đẹp của một Tu sĩ Dòng Chúa Cứu Thế.*

*Hôm nay, cùng với Dòng Chúa Cứu Thế Trung ương, tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam cùng hiệp dâng lên Thiên Chúa là Cha tình yêu linh hồn thầy Phanxicô Xaviê Placido Nguyễn Văn Diễm. Xin Chúa thương thanh luyện những gì thầy con vương mắc, và sớm ban thưởng hạnh phúc Nước Trời mà cả cuộc đời tu sĩ thầy đã dày công vun đắp. Nguyện xin Mẹ Maria Hằng Cứu Giúp, Thánh Cả Giuse và các Thánh trong Dòng cầu bầu cùng Chúa cho thầy được cùng với các thánh hưởng phúc tôn nhan Chúa.*

*Fx Nguyễn CSsR  
DCCT Việt Nam*

## **Lời vàng ngọc từ Bề Trên Tổng Quyền ở Rôma**

*Ban Quản Trị Trung Ương đã quyết định công bố một Năm Thánh để vinh danh Thánh Clémentê, từ 15.03.2020 đến 15.03.2021. Suốt trong Năm Thánh này, chúng ta một lần nữa nhớ đến con người và công trình của Người Anh Em Clémentê, người có “cuộc đời đặt nền tảng trên tình yêu Chúa và Hội Thánh cũng như lòng khao khát đưa các linh hồn đến với Chúa”*

*“Roma ngày 02 tháng 02 năm 2020  
Lễ Dâng Chúa Giêsu trong Đền thánh*

*Anh em, các Soeurs  
và các Cộng sự viên trong Sứ vụ thân mến,*

*Ngày 15 tháng 03 năm 2020 đánh dấu 200 năm ngày qua đời của Thánh Clémentê Maria Hofbauer, thường được vinh danh là “vị tông đồ thành Varsava và Vienna” cũng như là “Đấng Sáng Lập thứ hai của Hội Dòng”. Sự đóng góp của Thánh Clémentê cho lịch sử và sự phát triển của Dòng Chúa Cứu Thế đã để lại một dấu ấn lâu bền trên sứ vụ và linh đạo chúng ta.*

*Vì lý do này, Ban Quản Trị Trung Ương đã quyết định công bố một Năm Thánh để vinh danh Thánh Clémentê, từ 15.03.2020 đến 15.03.2021. Suốt trong Năm Thánh này, chúng ta một lần nữa nhớ đến con người và công trình của Người Anh Em Clémentê, người có “cuộc đời đặt nền tảng trên tình yêu Chúa và Hội Thánh cũng như lòng khao khát đưa các linh hồn đến với Chúa”, như những người biết ngài cách đích thân đã khẳng định.*

*Thánh Clémentê đã sống trong một giai đoạn rất khó khăn xuất phát từ quan điểm về tôn giáo và chính trị. Đó là một giai đoạn thù nghịch với Hội Thánh và đời sống tu trì, và ngài đã mở một con đường cho sự canh tân Kitô giáo. Nhờ ngài, sự phục hồi đời sống tu trì đã xảy ra ở Varsava và Vienna.*

*Vì Thánh Clémentê sống trong một thời đại lịch sử rất khác với chúng ta nên sẽ là một sai lầm nếu chỉ bắt chước hoặc sao chép linh đạo và công trình của ngài. Mặt khác, Thánh Clémentê dạy chúng ta những khía cạnh nào đó của ơn gọi tu trì vẫn rất thích hợp cho hôm nay: giá trị của việc cầu nguyện và sự trung thành với Thiên Chúa, lòng nhiệt thành thừa sai loan báo Tin Mừng và sự lưu tâm đến người nghèo và bị bỏ rơi, tính cộng tác trong sứ vụ với anh chị em giáo dân, lòng trung thành với Hội Thánh cũng như sự bền đỗ trong đặc sủng Hội Dòng.*

*Từ Thánh Clémentê chúng ta có thể học cách sống hiệp thông với Chúa, và đồng thời trở thành những tông đồ nhiệt thành, hiến mình cho việc loan báo Tin Mừng cho những người nghèo nhất và những người bị bỏ rơi hơn cả. Như Thánh Anphongsô, tư chất thiên tài của ngài hệ tại sự hợp nhất hài hòa giữa đời sống nội tâm và hoạt vụ tông đồ. Hai chiều kích của sự thánh thiện này thường có nguy cơ bị chia cắt.*

*Đối với các tu sĩ Dòng Chúa Cứu Thế, đời sống nội tâm nhưng không có sứ vụ năng động trong thế giới thì sẽ không xây dựng Triều Đại Thiên Chúa. Đời tông đồ thừa sai năng động và quan tâm người khác nhưng không có niềm hăng say và một tâm hồn đầy nhiệt huyết thì sẽ biến thành hoạt động thuần túy bề ngoài.*

*Lòng nhiệt thành và sức mạnh của Thánh Clémentê khi thi hành sứ vụ tông đồ được cảm rỗi trong một đức tin bền bỉ và lòng tín thác trọn vẹn nơi Chúa. Ngài thường lặp đi lặp lại với các anh em:*

*“Hãy để Chúa hướng dẫn anh em và tất cả sẽ tốt đẹp.”*

*Chúng ta phải nhớ rằng ngài thường làm việc trong một môi trường đầy thù nghịch, đương đầu với những kẻ thù dữ tợn của Hội Thánh. Trong các cuộc thảo luận với những người tấn công ngài, ngài sẽ không ngần ngại lặp đi lặp lại:*

*“Chắc chắn tôi là một tội nhân lớn, một con người khốn khổ, nhưng tôi nắm giữ một kho tàng Chúa đã ban cho tôi, kho tàng đức tin, và đức tin đó mạnh mẽ đến độ tôi sẽ không muốn đánh đổi nó với người khác. Tôi là một người Công giáo từ đầu đến chân.”*

*Một mối quan tâm liên lý của Thánh Clémentê là đào tạo những anh chị em giáo dân dần thân như các tông đồ. Không lâu sau khi đến Warsaw, ngài đã bắt đầu quy tụ các nhóm giáo dân là những người được ngài đào tạo và chuẩn bị cho việc tông đồ thuộc nhiều lãnh vực khác nhau trong đời sống Hội Thánh. Năm 1788, ngài sáng lập một cộng đoàn gồm các tín hữu gọi là Hiến Sĩ (Oblates) nghĩa là những người được thánh hiến cho Chúa.*

*Thánh Clémentê đã hướng dẫn họ rằng những mục đích chính của hiến sĩ bao gồm việc thánh hóa đời chính sống mình, đi theo Chúa Giêsu với hết sức lực của mình, lắng nghe Lời Chúa, tham dự các nhóm cầu nguyện và đời sống bí tích của Hội Thánh, vun trồng lòng tin tưởng vào Đức Thánh Cha và giáo huấn của Hội Thánh, và truyền bá báo chí Công giáo, nhất là các sách tốt lành.*

*Khi Thánh Clémentê đến Vienna, sự hiện diện của ngài đã trở thành một “trung tâm truyền giáo”, một nơi gặp gỡ cách riêng cho những người trẻ, đặc biệt các sinh viên đại học là những người đã chọn ngài làm thầy dạy, làm cố vấn và làm người bạn.*

Thánh Clémentê cũng đã trở nên nổi bật nhờ tình yêu mến lớn lao dành cho Hội Thánh và Đức Thánh Cha. Trong các bài giảng, ngài thường lặp đi lặp lại:

“Ai chối bỏ Hội Thánh là mẹ  
thì cũng không có Thiên Chúa là Cha.”

Ngài thúc giục mọi người hãy cầu nguyện cho Đức Thánh Cha và khuyến khích người khác cũng làm như vậy. Lời cầu nguyện đó sẽ củng cố căn tính Công giáo của họ và cũng trợ giúp Đức Giáo Hoàng khi thi hành các trách nhiệm.

Thánh Clémentê cũng nuôi dưỡng tình con thảo và lòng quý trọng lớn lao đối với Đấng Sáng Lập là Thánh An-phong-sô Maria de Liguori và cố gắng hết sức để vẫn trung thành với đặc sủng Hội Dòng. Ngài làm cho các anh em thấm nhuần lòng yêu mến đối với Đấng Sáng Lập và Hội Dòng, như một người trong số họ đã làm chứng trong quá trình tuyên phong Chân phúc:

“Chính ngài, Clémentê, là người đã làm cho tôi thấm nhuần lòng yêu mến Thánh An-phong-sô và Hội Dòng. Đích thân tôi đã lắng nghe ngài và ngài luôn nói về các anh em người Italy ở Rome bằng một tình yêu lớn nhất, và như thế, ngài cũng đốt lên trong tôi lòng yêu mến lớn lao đối với Thánh Anphongsô và Hội Dòng.” Theo tinh thần của Thánh An-phong-sô, Thánh Clémentê luôn cố gắng sống và làm việc chung với các anh em trong cộng đoàn tông đồ, ngay cả khi các thẩm quyền dân sự gây nhiều, trở ngại trên bước đường ngài đi.

Lòng yêu mến của Thánh Clémentê đối với người thân cận, cách riêng những người bị bỏ rơi hơn cả và nghèo khổ nhất, phát xuất từ lòng yêu mến lớn lao đối với Chúa. Ngài đã được gọi là “cha của người nghèo”, bởi vì những người nghèo, người bị bỏ rơi và người ở bên lề tìm được nơi ngài một người đồng hành và một người bạn chân thành. Ngài đã sống gần gũi với người nghèo, trở nên nghèo và bản thân có bất cứ cái gì thì ngài cũng quảng đại chia sẻ với họ. Ngài thường dành thời gian cho người bệnh và người hấp hối, chuẩn bị cho họ gặp gỡ Chúa Kitô Cứu Thế qua bí tích hòa giải.

Các anh chị em thân mến,  
Tôi muốn kết thúc bằng những lời này của Thánh Clémentê đã ngỡ với những người anh em hơn 200 năm trước. Những lời này mang một tính cách phổ quát đến nỗi nó cũng có thể khích lệ chúng ta hãy giao phó đời sống và sứ vụ của chúng ta cho Chúa cũng như hãy tìm kiếm thánh ý Chúa trong mọi việc mình làm:

“Hãy can đảm lên! Chúa là Thiên Chúa! Người hướng dẫn mọi sự vì vinh quang của Người và vì sự thiện hảo của chúng ta và không có gì có thể chống lại được Người. Tất cả mọi kế hoạch con người, ngay cả khi được phác họa qua chi tiết lớn lao nhất, đều chỉ phục vụ cho sự hoàn tất thánh ý Chúa... Tôi để ý thấy rằng tất cả mọi sự dường như xảy ra nhằm làm khổ chúng ta, dẫn đưa chúng ta đến đó, nơi mà Thiên Chúa muốn...”

Chúng ta hãy để Chúa hướng dẫn và mọi sự sẽ tốt... Các anh em thân mến của tôi! Chúng ta hãy đề phòng tội lỗi và nỗ lực nên hoàn thiện; đây là điều độc nhất chúng ta cần ghi nhớ trong lòng, chúng ta hãy mạnh mẽ trong tâm hồn và khuyến khích nhau làm điều tốt. Chúng ta hãy cư xử với nhau trong lòng mến. Tôi chào tất cả anh em trong trái tim của Chúa Giêsu.”

Nguyện xin Năm Thánh này giúp chúng ta tiếp tục sứ vụ của Hội Dòng với lòng can đảm! Như Thánh Clémentê, nguyện xin cho mỗi người chúng ta rao giảng Tin Mừng cách luôn luôn mới trong tư cách là những chứng nhân của Chúa Cứu Thế trong sự liên đới vì sứ vụ cho một thế giới bị thương tích!

Tôi khuyến khích mỗi Đơn Vị và mỗi cộng đoàn địa phương hãy lập kế hoạch hoạt động hoặc sự kiện để mừng lễ Thánh Clémentê trong Năm Thánh này cũng như làm cho những



người mà chúng ta được sai đến hôm nay biết đến ngài. Nguyên xin tinh thần thừa sai và lòng nhiệt thành tông đồ của ngài linh hoạt tất cả các Kế Hoạch Tổng Đồ của chúng ta!

Người anh em trong Chúa Cứu Thế,  
Michael Brehl, C.Ss.R  
Bề Trên Tổng Quyền Dòng Chúa Cứu Thế  
(Chuyển ngữ: Lm. JM. Hà Ngọc Phú, C.Ss.R)

## **\*BẮC KỲ 9 NÚT - BẮC KỲ 2 NÚT**

Lỗ trí Thâm

“Anh hãy đi cho khuất mắt tôi,  
các anh đeo đai như con đĩa.  
Chúng tôi đã sợ các anh quá rồi!  
Hai mươi một năm trước,  
chúng tôi đã phải bỏ cả nhà cửa làng xóm  
để chạy xa các anh vào đây,  
vậy mà bây giờ các anh vẫn lại theo bám,  
không buông tha!”

Đó là lời người con gái ở Hố-Nai Biên-Hòa (bắc kỳ 9 nút) nói với tên bộ đội (bắc kỳ 2 nút) khi hắn theo tán tỉnh cô sau 30-4-1975. Cô là thế hệ thứ hai của một gia đình di cư vào Nam sau 20-7-1954. Tội nghiệp cô gái bắc kỳ! Chúng tôi, những người lính thời ấy, trách nhiệm thế nào với nỗi ghen ngào cay đắng này của cô?

Ván bài thắng ngược! Tại sao con số 9 nút (1954) lại thua con số 2 nút (1975)? Cái gì khiến cô gái bắc kỳ này lại sợ tên bộ đội bắc kỳ kia? Trải nghiệm thực tế, đơn thuần trong sinh hoạt xã hội của “bác” Hồ trước và sau những năm 1975 để giải mã những nguyên nhân căn bản khiến con số 9 nút phải thua con số 2 nút:

Ở năm thứ 5 của đời tù tội, lần đầu tiên mẹ tôi đi thăm tôi ở trại Ba-Sao Nam-Hà, quà cho tôi thật khiêm tốn, trong đó có hai hộp sữa đặc là đáng quý nhất. Tôi nói đường xá xa xôi, mẹ mang làm chi hai hộp sữa này cho nặng, thì mẹ tôi cho biết bà mua ở Hà-Nội khi đi ngang qua. Chia tay, tôi ôm hai hộp sữa vào lòng, nghĩ tới chiều nay có được cái “ngọt ngào của cuộc đời”, cái ngọt ngào đã biến mất trong suốt hơn 5 năm trong đời tù đày, mà đôi chân tôi bước đi khắp khênh, cao thấp như đang ở trên mây.

Thế nhưng, trời sập rồi! cái đình vừa đâm lút vào hộp sữa thì một dòng bùn đen tủa ra, tôi mềm người rũ gục như một tàu lá úa. Ngồi cạnh tôi, người bạn thân trong tù đang chờ được chia xẻ, đôi mắt tròn tròn rồi rũ xuống như muốn khóc! Bốc nhãn hiệu ra, thấy cạnh hộp sữa có một vết hàn. Như thế là người Hà-Nội đã tinh vi sáng tạo: Rút ruột sữa ra, bơm bùn đen vào rồi hàn lại. Quá thật (mẹ tôi), Bắc Kỳ 9 nút đã thua Bắc Kỳ 2 nút!

“Phú quý bất năng dâm,  
bần tiện bất năng di,  
uy vũ bất năng khuất”.

Tôi đã học cái văn hóa đó ở nhà trường. Ở nhà, trong hoàn cảnh nghèo, mẹ tôi thường nhắc nhở anh em chúng tôi phải luôn giữ cái chất “bần tiện bất năng di” ấy. Đó là cái nhân cách căn bản được giáo huấn ở học đường miền Nam Việt-Nam, ở cái đất nước mà con người hiền hòa, chân chất, đơn thuần, vô tư không ôm hận thù, không biết cướp bóc, lừa bịp, đểu cáng v.v. Đó chính là cái đất nước ở phía sau vĩ tuyến 17 kia.

Còn ở miền Bắc, cái đất nước trước vĩ tuyến 17 thì sao? Người ta dạy nhau cái gì ở nhà trường và ngoài xã hội? Người ta dạy nhau rằng: “Bản cùng sinh đạo tặc”. Hậu quả là sau 30- 4-1975, người Bắc Kỳ, tay cầm dao, tay cầm súng, tràn vào miền Nam điên cuồng giết người cướp của, hành động của “**kẻ dã man thắng người văn minh**” mà nhà nữ văn sĩ Cộng Sản Hà-Nội Dương-thu-Hương đã nhận xét.

Sự thật đã chứng minh “con người ít nhiều là sản phẩm của xã hội”, vậy thì xã hội man rợ tất nhiên sản xuất ra con người dã man. Từ cái bản chất dã man này, tự nó, sinh ra tệ trạng sinh hoạt đầy tính chất nguy hiểm, độc ác, gian manh, quỷ quyệt khó lường v.v. Đó là kết quả tất yếu không cần lý giải.

Chỉ có một mẫu cá khô lấy trộm trong khi vận chuyển lương thực, ông chiến hữu của tôi miêng phải ngâm miếng cá đó, cổ đeo cái bảng viết hai chữ “ăn cấp”, đứng trước cổng trại suốt ba ngày! Miếng ăn quý hơn mạng người! Ông ngục sĩ Nguyễn-chí-Thiện khi còn sống đã nói rằng:

“Miền Bắc thắng Miền Nam  
là do chế độ lương thực tem phiếu”.

Ông đúng hay sai? Đây là câu trả lời:

“Em xin anh,  
chúng em mà nói trên đài thì ở ngoài kia,  
cha mẹ và vợ con em  
sẽ bị cắt hộ khẩu,  
họ sẽ chết đói!”.

Đó là lời của ba tên tù binh bị bắt trong trận đánh cuối cùng ở Long-Khánh.

Tôi còn nhớ, ngày 3/9/1978, ngày giỗ “bác” Hồ của nhân dân bắc kỳ (2 nút), tại trại giam ở Yên-Bái, địa danh có cái tên nghe rợn người: “Ma thiên lãnh!”, tù nhân được nghỉ một ngày để chuẩn bị làm giỗ “bác”.

Bàn thờ được trải khăn đỏ, sau bàn treo lá cờ to, trên bàn có hình “bác”, trước “bác” đặc biệt có một mâm hoa quả bằng hình vẽ mà trước đó, nguyên một ngày, ông tù nhân Lê-Thanh, họa sĩ kiêm điêu khắc gia có tiếng trong quân đội miền Nam “thua cuộc”, đã phải vẽ trên cá chục bản để ông cai tù trưởng trại lựa chọn.

Sau khi đã nhàn nhuyên nói về tài thao lược và đạo đức của “bác”, trưởng trại để ý thấy tù nhân xì xầm về bức họa trái cây kia, ông bèn rất là trân trọng và tự tin nói rằng:

“bác thường dạy “trong đấu tranh gian khổ,  
tính chất khắc phục là quan trọng”,  
cho nên khả năng  
“biến không thành có...(?)  
biến khó thành dễ”  
là thành tích luôn được biểu dương, khen thưởng”!

Giỗ “bác” hôm nay, “bác” được ăn hoa quả giấy. Quả nhiên gậy “bác” đập lạng “bác”!. Phần tù nhân, nghe xong chỉ thấy họ lặng im. Tôi đoán họ đang nghĩ đến nhờ ngày giỗ “bác”, bữa ăn trưa nay được tăng thêm trọng lượng.

Ông chiến-hữu (bắc kỳ 9 nút) nằm cạnh tôi kể chuyện anh:

“Bọn công an (bắc kỳ 2 nút) cùng người giúp việc nhà anh, là chị đã xin nghỉ việc vài ngày sau 30/4/1975, đập cửa bước vào và lớn tiếng hỏi anh: “lương lính, quân hàm thiếu tá, một tháng anh lãnh bao nhiêu? Anh trả lời chỉ vừa đủ sống cho hai vợ chồng và năm đứa con. Tên công an quát lớn: chỉ đủ sống thì làm sao anh có cái nhà to thế này? Đây là anh đã lấy của nhân dân, vậy bây giờ anh phải trả lại cho nhân dân. Anh có ba ngày để dọn ra khỏi căn nhà này.”

Một hơi thở dài, rồi một cơn ngủ thiếp của một ngày “chém tre, chặt gỗ trên ngàn, hữu thân, hữu khổ phàn nàn cùng ai” của ông chiến hữu (bắc kỳ 9 nút) đã thay cho phần kết của chuyện kể mà tôi thiên nghĩ, những người dân Miền Nam, cái đất nước ở sau con sông Bến-Hải kia đều đã biết cái số phận căn nhà đó ra sao.

Những ngày vừa qua, nhân lễ kỷ niệm anh em Tổng Thống Ngô-đình-Diệm bị sát hại, vài đài truyền hình có chiếu lại hình ảnh của gần một triệu người bắc kỳ (9 nút) bồng bế, gồng gánh, mang theo những chổi cùn, rế rách, lượm thuộm dất dứu nhau lên con tàu “há mồm” xuôi Nam. Sau đó, họ được định-cư ở những vùng xa, vùng sâu, hoang vu hẻo lánh, lập nghiệp. Mơ ước cư ngụ ở giữa thành phố ồn ào, xôn xao, đối với họ chỉ là hoài bão.

Thế còn 30-4-1975, Bắc kỳ (2 nút) xuôi Nam thì sao? Vai đeo súng, tay cầm dao, nghênh ngang tràn vào thành phố cướp của, lấy nhà, chiếm đoạt, chễm chệ ở trong những căn nhà lớn ngay giữa thị thành. Áp đẩy khổ chủ đến vùng xa, vùng sâu có tên gọi là “kinh tế mới”!

Cái tư thế “chễm chệ” kể trên, mỗi ngày một phát triển lớn, tới độ, bây giờ, những năm sau, gần như toàn thể những thành thị ở miền nam, trên những đường phố lớn, trong những căn nhà to, chủ nhân đều là bắc kỳ (2 nút). Như vậy, chẳng phải rõ ràng bắc kỳ (2 nút) không những chỉ thắng bắc kỳ (9 nút), mà còn thừa thắng xông lên, áp đảo luôn cả những Nam kỳ chủ nhà, không nút nào hay sao?

Tên công an chính trị viên, phó trại giam, tốt nghiệp viện triết học Marx, trong đối thoại về chủ nghĩa Cộng-Sản, hỏi tôi rằng:

“Chân lý có thay đổi không?”

Tôi trả lời:

“Đã là chân lý thì không thay đổi”.

Hắn cười. Hôm nay, hẳn đúng, tôi sai. Chân lý của Marx quả đã thay đổi. Thế giới Cộng Sản của Marx đã xây dựng gần một thế kỷ, hoàn toàn sụp đổ. Học trò của Marx đã chia tay ý thức hệ với Marx, lũ lượt bỏ chạy qua vùng đất tư bản, thấy của cải vật chất phong phú thừa thãi mà chóng mặt, hoa mắt nên “làm càn làm loạn”. “Hy sinh đời bố, cũng cố đời con”, thế hệ sau tiếp nối thế hệ trước, gia súc trần lột, cướp bóc, lừa bịp, điên đảo, tham những bừa bãi, trơ tráo tới độ vô văn hóa, vô nhân tính.

Trở lại con số 9 nút (1954) và con số 2 nút (1975) mà người ta mệnh danh là Bắc kỳ cũ và Bắc kỳ mới, với những chuyện xảy ra ở trên một đất nước xa Hà-Nội tới ngàn dặm này: Đất nước Hoa-Kỳ.

“Này chị kia,  
ở nước Mỹ chợ nào cũng có chỗ cất shopping- car,  
sao chị lại bỏ bừa sau xe của tôi?”

“Cứ tự nhiên như ở Hà-Nội!”, “Nhà tôi” (bắc kỳ 9 nút), bực mình la lớn. Hai bà (bắc kỳ 2 nút) tỉnh bơ, nổ máy xe biến mất. Còn lại là hai tôi, mỗi người đẩy một xe đưa vào chỗ cất.

Một lần khác, người bạn tôi kể rằng “Đi chợ, mua vội, tay chỉ cầm có hai gói cà-phê, đang xếp hàng chờ một chị Bắc kỳ (2 nút) chen ngang vào đứng trước anh, anh phản đối thì chị hỏi lại:

“Xe của ông đâu?”

Anh giận quá la lớn:

“Đây là ở nước Mỹ,  
mua nhiều hay ít đều phải xếp hàng  
chứ không phải ở Hà-Nội của chị”.

Tại một nhà hàng, cháu gái của tôi cầm tờ biên lai tính tiền do bạn trai là người Mỹ trả, tôi nói với người thu ngân rằng:

“Chúng tôi gọi hai tô bún thịt nướng  
chứ đâu phải chả cá Thăng-long  
mà tính nhiều thế này?”

thì được thu ngân viên bụng gọn một chữ “nhảm”, rồi đếm tiền hoàn lại, không một lời xin lỗi. Tôi đoán chắc người Hà-Nội, chủ nhân (2 nút) tưởng Mỹ khờ khạo (đã bị “bác” và đảng đánh bại), nên mập mờ đánh lận con đen.

Trên đường về nhà, dọc hai bên đường, ở giữa lòng cái thủ đô có tên “Little Saigon” này, lác đác những căn nhà to như dinh thự mà người Hà-nội đã bỏ tiền triệu để sở hữu một cách ngạo nghễ, khiến tôi chợt nhớ đến ông chiến hữu bại trận của tôi năm xưa đã phải “trả nhà cho nhân dân” (nhân dân Hà-Nội), mà xót xa!

Tôi miên man tự hỏi, chẳng lẽ từ niềm tự hào “đánh thắng hai đế quốc lớn” của người Hà-Nội đang được thể hiện một cách ngang ngược, lỗ mãng, vô văn hóa ngay giữa cái thủ đô của người Việt tị nạn trên đất nước Hoa-Kỳ này đến vậy sao? Lý do gì họ có mặt nơi này? phần đất nơi cư ngụ cuối cùng, mà những người hoảng sợ đã phải bỏ nhà bỏ cửa để chạy xa họ? Tôi đang nghĩ đến người con gái Bắc kỳ (9 nút) ở đất Hố-Nai Biên-Hòa năm xưa. Tôi ước ao được gặp lại cô ở nơi này, nơi cư ngụ cuối cùng của những người kinh hoàng, hoảng hốt bỏ lại quê hương, chạy trốn những kẻ bạo tàn! Tôi muốn lại được nghe cô nói rằng:

“Các anh hãy đi cho khuất mắt tôi,  
tôi đã sợ các anh quá rồi,  
chạy xa các anh tới nửa vòng trái đất  
mà các anh vẫn không buông tha!”

Ông nhà văn Hoàng-Hải-Thủy của miền nam cũ, cay đắng than rằng:

“Nếu một ngày nào đó trên đất nước Hoa-Kỳ này,  
giữa nơi ở của những người Việt tị nạn  
có phát phới lá cờ đỏ sao vàng  
thì xin cho tôi được chết trước!”

Nghe mà xót xa cay đắng quá! Mong là con bài 2 nút sẽ không thắng ngược 9 nút thêm lần nữa...

Little Saigon

**Thư Cha Giám Tỉnh  
Đòng Chúa Cứu Thế Việt Nam  
hiệp thông với lời mời gọi  
của cha Bê Trê n Tổng Quyền Đòng Chúa Cứu Thế ở Rôma**

Sài Gòn ngày 21 tháng 3 năm 2020

Kính thưa Quý Cha,  
Quý Thầy và anh chị em trong gia đình Đòng Chúa Cứu Thế,

Trong thư Cha Bê Trê n Tổng Quyền Đòng Chúa Cứu Thế vừa gửi đến anh chị em kêu gọi một ngày cầu nguyện đặc biệt bày tỏ tình liên đới với nạn nhân của dịch cúm nCorona vào Chúa Nhật 22.03.2020, theo tinh thần của Liên Hiệp Các Bê Trê n Tổng Quyền, đại diện cho tu sĩ nam và nữ ở tất cả các lục địa.

Cùng với Đức Thánh Cha Phanxicô, trong ngày này toàn thể gia đình Đòng Chúa Cứu Thế chúng ta hãy cầu nguyện cho tất cả những ai bị lây nhiễm và những người đã qua đời, cho các gia đình của họ cũng như những ai đang chăm sóc các bệnh nhân, đặc biệt cho các bác sĩ, y tá, nhân viên chăm sóc và tình nguyện viên.

Tôi xin gửi kèm theo là lời kinh của Đức Thánh Cha cầu nguyện với Mẹ Maria mà Cha Bê Trê n Tổng Quyền đã mời chúng ta cùng đọc để hiệp thông với ngài.

Trong tâm tình liên đới và chia sẻ với tất cả những nạn nhân của đại dịch virus nCorona, xin anh chị em cùng dâng lời kinh cũng như những việc hy sinh trong Mùa Chay để cầu nguyện cho tai họa mau chấm dứt.

Trong Chúa Giêsu Kitô Cứu Thế

Lm Giuse Nguyễn Ngọc Bích  
Giám Tỉnh Đòng Chúa Cứu Thế Việt Nam

**‘NẾU CÓ YÊU TÔI’  
VÀ ‘SỰ THẬT ĐẰNG SAU NHỮNG NỤ CƯỜI’**

Hải Triều Ý Tâm

Trong lúc mùa mắc dịch Cô Vy đang vẫn còn lảng vảng đâu đây, chẳng biết sao mình lại cứ thích nghe nhạc phẩm Nếu có yêu tôi. Một ca khúc chan chứa tình người do nhạc sĩ Trần Duy Đức phổ thơ Ngô Tịnh Yên và đã được danh ca Khánh Ly làm cho nổi tiếng. Riêng với chương trình nhạc chủ đề Hát Cho Nhau, bao giờ trước khi kết thúc chương trình chúng ta cũng phải hát Nếu có yêu tôi chung với nhau, thì mọi người mới chịu ra về trong tiếng cười rộn rã, khiến cả khu phố vui lây. Các chú, các bác hay bảo: 'Hát bài "Tốt với tôi" đi cháu ơi!'

Lời thơ cân đối, nét nhạc lả lơi, mang đậm chất jazzy tiên chiến, vì nhạc sĩ đã phổ nhạc theo điệu swing với nhịp 2/2 'cuồng nhiệt, sôi nổi, dạt dào sức sống', như chính lời ông tâm sự trên trang 'blog' của ông ([tranduyduc.com/nhacsi/](http://tranduyduc.com/nhacsi/)).



Âm giai La trường tươi sáng quả đã 'bén duyên' với người nghe, nhanh chóng tỏa ra 'các sân khấu, quán nhạc, và nhiều nhất vẫn là ở các chương trình gây quỹ từ thiện', trong nước cũng như ngoài nước.

Đó là những lời bộc bạch trên mạng của nhà thơ nữ Ngô Tịnh Yên, hiện đang sống ở Hoa Kỳ, qua bài viết 'Nhớ thuở ban đầu', đề ngày Chủ Nhật, 14 tháng 8 năm 2011. Bà kể, từng lời thơ tha thiết gọi mời của "Nếu có yêu tôi" đã không còn là của riêng ai, không chỉ là lời lẽ của những người yêu nhắn nhủ cho nhau, mà còn là của bằng hữu gửi đến nhau, lời của người già cô đơn nằm thoi thóp trong một viện dưỡng lão nào đó, lời của đứa bé bơ vơ không nơi nương tựa giữa chợ đời, lời của đấng tuyệt vọng, lời của đỉnh cao lạnh lẽo...

Chỉ cần cất lên tiếng hát là thấy như mọi người đang yêu thương nhau, đang được nắm tay nhau, đang có nhau". Thấm thía thật nhỉ!

Nhưng mấy ai biết rằng bài thơ nguyên gốc vốn có tên là 'Rộn ràng một nỗi đau', để rồi nhạc và thơ kết nối hai tâm hồn lại với nhau nơi xứ người quạnh quẽ, qua cú điện thoại nhạc sĩ Trần Duy Đức gọi hỏi bà vào một buổi chiều cuối năm 1995:

'Anh tình cờ đọc một bài viết của em trên tuần báo Mai, câu thơ mà em trích trong bài đó có nguyên-bản không, đưa cho anh đi?' Thế là ông đến nhà bà lấy bài thơ, và ngay tối hôm đó đã nghe tiếng ông gọi cho biết: 'Trên đường lái xe về nhà, anh đã phổ xong bài thơ rồi, em ạ!'

Đến khi cô Khánh Ly thu âm vào CD năm 2001, trong lúc tập dợt đã đặt tựa mới cho ca khúc để trở thành 'Nếu có yêu tôi' và lấy đó làm tên của CD này. Tất cả cùng nhau góp phần tạo nên chiếc cầu nối, đưa tác phẩm thấm sâu vào lòng những người thường ngoạn. Đến nỗi người nghe không cần biết tên gốc của bài thơ, bản nhạc là gì, mà họ chỉ cần thuộc lòng có mỗi một câu khởi đầu của đoạn đầu trong bài hát. Và biết đâu chừng nó cũng chính là sự chọn lựa, đặt tên đầu tiên của người phổ nhạc.

Ngẫm cho cùng, chính tác giả bài thơ cũng phải thừa nhận rằng, 'nếu có ai đó vẫn thường xuyên hát lên những ca từ:

"Nếu có yêu tôi,  
Thì đến với tôi bây giờ,  
Đừng đợi ngày mai,  
Đến lúc tôi qua đời..."

thì cũng chỉ là cái duyên hạnh ngộ của những người tri âm cùng mang tâm sự giống nhau trong đời sống ngắn ngủi này'.

Đến đây, có lẽ ai trong chúng ta cũng sẽ thắc mắc, thế còn tâm trạng của người đưa những nốt nhạc cho bài thơ được chấp cánh bay cao thì sao nhỉ? Thì ra, 'cái sự thật đằng sau những nụ cười' để hoàn thành nên ca khúc để đời ấy hoàn toàn không như là mơ đâu đấy, các bạn ạ! Ban đầu, tức là trên đường lái xe từ nhà bà Ngô Tịnh Yên về, nhạc sĩ Trần Duy Đức đã phác xong bản nháp với âm giai La thứ ngũ cung.

Nhạc sĩ gọi bản nháp này là 'âm bản', nhưng sau nhiều phút đắn đo suy nghĩ, ông nhận thấy giai điệu ông vừa soạn xong, sao 'nghe có vẻ buồn bã, thế thiết quá'. Nên ông đã quyết định soạn chuyển qua âm giai La trường, 'kết hợp giai điệu giữa bi và hài, để trở thành ca khúc chính thức với điệu nhạc khoan thai và tươi sáng' hơn.

Giai điệu buồn thảm của bản nháp thoát tiên được khai triển nghiêng nhiều về thang âm ngũ cung Nhật Bản, là một thủ thuật các nhạc sĩ Việt Nam thường hay sử dụng trên hai cung La thứ hoặc Rê thứ. Nét nhạc chậm rãi, ẩn ức, thở than, hờn dỗi, như muốn diễn đạt nội dung của bài thơ ẩn chứa một tâm trạng chán nản, phiền muộn, trách móc cái thói đời đen bạc, hợm hĩnh, giả dối lọc lừa. Chỉ đợi đến giây phút cuối mới tìm đến để đối xử tốt đẹp với nhau, để mở rộng lòng bao dung, để bày tỏ niềm yêu thương, tiếc nhớ.

Nghe qua bản nháp này, chúng ta phải thành thật công nhận rằng, cũng may mà nhạc sĩ chỉ lưu giữ nó ở dạng bản nháp để làm kỷ niệm, nên đã kịp thời viết lại và chuyển sang âm giai La trưởng của Tây phương. Nên chúng ta mới có thêm một ca khúc rực rỡ để đời với những âm sắc vui nhộn, sử dụng các đảo phách, nhịp chỗi một cách nhuần nhuyễn, vốn là ưu thế của thể điệu swing tưng bừng nhảy múa, tha hồ được khua đôi tay, đá đôi chân.

Về phía nhà thơ Ngô Tịnh Yên, người nghe cũng được bà tiết lộ thêm rằng, nhiều người rất muốn biết nguyên do từ đâu bài thơ ra đời. Theo bà thì ‘đơn giản thôi’, bởi vì con người ngày nay không có nhiều thời gian để tìm đến với nhau hàn huyên tâm sự, đã thế lại còn cứ hay gặp nhau ở những nơi tẻo nghoe như nhà quán chẳng hạn.

Ý tưởng đó đã đến với bà thật tình cờ trong những buổi đi viếng nhà quán về, mà bà thấy được nỗi nghịch lý đưa tiễn người này mới gặp gỡ người kia ở những nơi chốn mà không ai có thể ngờ tới được.

Thế là bà rưng rưng nhớ lại câu danh ngôn của Lord Chesterfield người Anh: ‘Đừng để đến ngày mai những việc gì bạn có thể làm hôm nay’. Thế hệ bà hầu như ai cũng thuộc nằm lòng câu danh ngôn đó cả. Những điều ngộ thật đơn giản nhưng không phải ai cũng thực hiện được, với tâm lý cứ để hôm khác hẵng làm còn chưa muộn. Nhưng thường thì luôn là... đã muộn rồi còn đâu!

Những tưởng cuộc hành trình đi tìm nguồn mạch cảm hứng của cõi thơ nhạc Ngô Tịnh Yên và Trần Duy Đức đến đây là chấm dứt. Thế nhưng, sao mình cảm thấy vấn đề vẫn chưa được giải quyết xong. Vẫn còn lộn cộn thế nào ấy! Mình nhớ mang máng đã từng đọc bài thơ này ở đâu rồi. Nhất là khi chính nhà thơ nữ viết thêm câu này trong bài viết ‘Nhớ thuở ban đầu’ vừa dẫn:

‘Có nhiều người đặt vấn đề một cách gay gắt, rằng nó “không phải của Ngô Tịnh Yên”, mà là ý của ông A này, bà B kia’. Bà cho đó là ‘điều đáng buồn, là sự nổi tiếng nào cũng có “cái giá” của nó’.

Rồi bà viết tiếp theo:

‘Xin thưa rằng, nếu có sự trùng hợp nào đó thì cũng chỉ là ngẫu nhiên. Ngay cả “Truyện Kiều” cũng không phải là “của” Nguyễn Du, mà được phóng tác theo tác phẩm “Kim Vân Kiều” của Thanh Tâm Tài Nhân, một nhà văn Trung Hoa đời nhà Thanh [lấy bối cảnh triều đại nhà Minh].

Điều quan trọng là Nguyễn Du đã làm cho “Truyện Kiều” hay hơn nguyên tác và khiến tác phẩm này trở thành bất tử. Cái tài hoa của người nghệ sĩ là ở chỗ đó, ai cũng có thể nghĩ ra, nhưng làm được cho nó hay, đẹp, biến những tư tưởng đã cũ thành mới, đưa được nó vào lòng người, khiến nó trở nên nhân bản thì không phải ai cũng có được cái tài năng đó”.

Nghe bà phân bua than thở nên mình cứ thế lang thang đi tìm bài thơ kia, kẻo không thì tội bà quá. Chẳng biết mình để lạc đâu mất rồi! Tình cờ hôm nay, đúng là tổ đũa, cuối cùng mình cũng đã lục ra được, mừng quá! Hóa ra nó là thơ tiếng Anh, một dạng gần như ca dao Hoa Kỳ, vì thế không biết tên tác giả, các bạn ạ.

Vì là ca dao bình dân Mỹ nên cũng có nhiều dị bản khác nhau, chênh vài ba câu chữ không làm ảnh hưởng đến ý nghĩa toàn bài. Bài thơ mang tựa đề ‘Hãy yêu tôi bây giờ’ (Love Me Now), được in trong tuyển tập ‘Các thi phẩm được người Mỹ yêu thích nhất’ (The Best Loved Poems of the American People), xuất xứ từ tiểu bang Alabama, là nơi có rất nhiều người da đen sinh sống.

*Bài thơ có lẽ ra đời vào khoảng cuối thế kỷ 19, căn cứ vào các truyền bản chép tay hiếm hoi hiện còn giữ được trong các sưu tập ở các thư viện bên Mỹ. Bài thơ nguyên văn như sau:*

LOVE ME NOW

*If you are ever going to love me  
Love me now, while I can know  
All the sweet and tender feelings  
Which from real affection flow.  
Love me now, while I am living  
Do not wait till I am gone  
And then chisel it in marble-  
Warm love words on ice-cold stone.*

\*\*

*If you have dear sweet thoughts about me  
Why not whisper them to me?  
Don't you know it would make me happy  
And as glad as glad could be?  
If you wait till I am sleeping  
Never to waken here again  
There'll be walls of earth between us  
And I couldn't hear you then.*

\*\*\*

*If you knew someone was thirsting  
For a drop of water sweet  
Would you be so slow to bring it  
Would you step with laggard feet?  
There are tender hearts all round us  
Who are thirsting for our love  
Why withhold from them what  
Nature makes them crave all else above.*

\*\*\*\*

*I won't need your kind caresses  
When the grass grows over my face  
I won't crave your love or kisses  
In my last low resting place  
So then if you love me any  
If it's but a little bit  
Let me know it now while living  
I can own and treasure it.*

\*\*\*\*\*

*If you are ever going to love me  
Love me now, while I can know  
All the sweet and tender feelings  
Which from real affection flow.  
Love me now, while I am living  
Do not wait till I am gone  
And then chisel it in marble-*

*Warm love words on ice-cold stone.*

Và đây là nguyên văn bài thơ của nhà thơ nữ Ngô Tịnh Yên:

**RỘN RÀNG MỘT NỖI ĐAU**

*Có tốt với tôi thì hãy tốt bây giờ  
Đừng đợi đến lúc tôi qua đời  
Đừng đợi đến khi tôi phải ra đi  
Và tất cả... thì đã muộn mất rồi*

\*\*

*Có tha thứ cho tôi thì tha thứ bây giờ  
Đừng đợi đến lúc tôi nhắm mắt lại  
Đừng đợi đến khi tôi không còn hơi thở  
Tôi nói được lời xin lỗi với ai đây?*

\*\*\*

*Có thương tôi thì hãy thương bây giờ  
Đừng đợi đến khi tôi nằm xuống bờ vờ  
Hồn phiêu dạt không nơi nương tựa*

\*\*\*\*

*Có bao dung tôi thì bao dung bây giờ  
Đừng đợi đến lúc tôi xa lìa thế giới  
Đừng đợi đến khi tôi thành mây thành khói  
Cát bụi làm sao có thể mỉm cười?*

\*\*\*\*\*

*Có vui với tôi thì vui bây giờ  
Đừng đợi đến khi nuối tiếc ngày xưa  
Tôi muốn nói cảm ơn... thì đã trễ!*

Và cuối cùng là lời ca khúc 'Nếu Có Yêu Tôi' do nhạc sĩ Trần Duy Đức phổ từ thơ Ngô Tịnh Yên:

**NẾU CÓ YÊU TÔI**

*Có tốt với tôi, thì tốt với tôi bây giờ  
Đừng đợi ngày mai, đến lúc tôi xa người  
Đừng đợi ngày mai, đến khi tôi phải ra đi  
Ôi muộn làm sao nói lời tạ ơn*

\*\*

*Nếu có bao dung, thì hãy bao dung bây giờ  
Đừng đợi ngày mai, đến lúc tôi xa đời  
Đừng đợi ngày mai, biết đâu tôi nằm im hơi  
Tôi chẳng làm sao tạ lỗi cùng người*

\*\*\*

Rộn ràng một nỗi đau  
Nghẹn ngào một nỗi vui  
Dịu dàng một nỗi đau  
Ngậm ngùi một nỗi vui

\*\*\*\*

Có nhớ thương tôi, thì đến với tôi bây giờ  
Đừng đợi ngày mai, lúc mắt tôi khép lại  
Đừng đợi ngày mai, có khi tôi đành xuôi tay  
Trôi dạt về đâu, chốn nào tựa nương

\*\*\*\*\*

Nếu có yêu tôi, thì hãy yêu tôi bây giờ  
Đừng đợi ngày mai, đến lúc tôi qua đời  
Đừng đợi ngày mai, đến khi tôi thành mây khói  
Cát bụi làm sao mà biết mỉm cười

\*\*\*\*\*

Rộn ràng một nỗi đau  
Nghẹn ngào một nỗi vui  
Dịu dàng một nỗi đau  
Ngậm ngùi một nỗi vui.

Các bạn nghĩ sao?

Theo mình, nhà thơ nữ Ngô Tịnh Yên đã đọc bài thơ tiếng Anh lúc mới sang định cư ở Hoa Kỳ trong một dịp nào đó, và phóng tác dựa trên cảm xúc chân thật của chính mình, để rồi được nhạc sĩ Trần Duy Đức cất xén thêm một lần nữa để hoàn tất nhạc phẩm 'Nếu có yêu tôi' ra mắt người nghe. Dù sao, bà cũng đã từng thừa nhận một cách gián tiếp về sự khác biệt giữa phóng tác và sao chép ý tưởng từ người khác kia mà. Nhiều khi mình cần phải đọc giữa hai hàng chữ để tìm hiểu căn kể nguyên do có sự.

Dẫu sao đi nữa, thì tôi vẫn tin bà, vì đó là 'sự thật đằng sau những nụ cười' cần phải có để tạo dựng nên một nhạc phẩm nổi tiếng. Nhưng nữa sự thật có làm nên sự thật hay không nhỉ? Mình xin nhường câu trả lời ấy cho các bạn nhé.

Mình chỉ suy nghĩ đơn giản thế này thôi. Hai lãnh vực thi ca và âm nhạc đều là những món ăn tinh thần không biên giới, và càng không thể tách rời khỏi đời sống con người. Một bài thơ cũ, một ý tưởng cũ, ở một nước kia, sẽ là nguồn cảm hứng vô tận, là những thứ nuôi sống, đem lại xúc cảm mới lạ đến cho các nước khác.

Xét ra, trên đời này có cái gì mới hoài mà không cũ đâu nhỉ. Cõi đời là một hành trình đổi mới liên tục, người đời lại có tính chuộng cái mới. Nhờ sự 'mới' nối tiếp nhau ấy mà loài người ngày một thêm tiến hóa. Nền thi ca và âm nhạc nước ta mà được xem là mới, là phóng khoáng, tân kỳ, tưởng cũng không ra ngoài cái lệ nói trên: Luôn luôn đổi mới không lúc nào ngưng. Tất cả các yếu tố trên đều hợp nhau góp phần tạo nên sự đa dạng và phong phú cho nền văn nghệ nước nhà. Được như vậy thì còn gì bằng, phải không các bạn?

Và tôi sẽ làm gì bây giờ trong mùa mắc dịch này, hỡi các bạn.  
Nào thì chúng ta cùng nhau nghe nốt nhạc phẩm 'Nếu có yêu tôi' thôi! 'Có tốt với tôi, thì tốt với tôi bây giờ, Đừng đợi ngày mai, Lá lá ...la la là....

Sydney 05/04/2020

# Mục Lục

<i>PHỤC SINH, NGUỒN HY VỌNG CHAN CHÚA. LM Mai văn Thịnh DCCT.....</i>	<i>1</i>
<i>KITÔ LUẬN – Bên Giòng Lịch Sử Nguyễn duy Vũ.....</i>	<i>4</i>
<i>DẤU CHỈ THỜI ĐẠI Giữa cơn đại dịch coronavirus, giữa sự tuyệt vọng, đâu là niềm tin của người Công Giáo? Lm James Martin SJ Vũ Nhuận chuyển ngữ.....</i>	<i>12</i>
<i>Giọng cũ xa gần Dân Gày phụ trách.....</i>	<i>14</i>
<i>Lời vàng ngọc từ Bề Trên Tổng Quyền Rôma LM JM Hà ngọc Phú DCCT chuyển ngữ.....</i>	<i>16</i>
<i>BẮC KỲ 9 NÚT - BẮC KỲ 2 NÚT Lữ trí Thâm.....</i>	<i>19</i>
<i>Thư Cha Giám Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam hiệp thông với lời mời gọi của cha Bề Trên Tổng Quyền Dòng Chúa Cứu Thế ở Rôma.....</i>	<i>23</i>
<i>'NẾU CÓ YÊU TÔI' VÀ 'SỰ THẬT ĐẰNG SAU NHỮNG VỤ CƯỜI' Hải Triều Ý Tâm.....</i>	<i>23</i>

